

Kinh tế vĩ mô quý III năm 2021: Những điểm nổi bật

Những điểm nổi bật của kinh tế, giá cả, tài chính tiền tệ quốc tế

- Diễn biến của kinh tế thế giới trong quý III về cơ bản vẫn giữ được đà phục hồi nhưng tốc độ đã chậm lại so với quý II do tác động lây lan của dịch bệnh từ biến chủng Delta;
- Khu vực sản xuất và dịch vụ toàn cầu diễn biến chậm lại; Xu hướng tích cực của thương mại toàn cầu đang bị đe dọa; Lạm phát tiếp tục gia tăng trên toàn cầu;
- Chỉ số lãi suất toàn cầu (GMPR) do Central Bank News thống kê tính đến cuối quý III đã tăng 0,17 điểm phần trăm so với cuối quý trước và tăng 0,52 điểm phần trăm so với đầu năm, ở mức 5,02%;
- Đồng USD mạnh lên khi dịch bệnh bùng phát trở lại; Các đồng tiền mạnh khác đều giảm so với đồng USD, ngoại trừ đồng CNY; Giá vàng đã giảm nhẹ;
- Thị trường chứng khoán toàn cầu đã giảm, ghi nhận mức giảm mạnh trong quý III. Chỉ số MSCI ACWI giảm 1,45% so với cuối quý trước.

Những điểm nổi bật của kinh tế trong nước

- Tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý III/2021 ước tính giảm 6,17% so với cùng kỳ năm trước; GDP 9 tháng năm 2021 chỉ tăng 1,42% so với cùng kỳ năm trước;
- Điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo rơi về ngưỡng thu hẹp, đạt 40,2 điểm trong tháng 9;
- Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ghi nhận xu hướng giảm trên tất cả các cấu phần;
- Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội đã giảm; Vốn đầu tư từ nguồn NSNN 9 tháng đã giảm so với cùng kỳ; Vốn đầu tư nước ngoài (cấp mới, điều chỉnh) đã tăng trở lại, vốn góp mua cổ phần tiếp tục giảm;
- Cán cân thương mại nhập siêu trong 9 tháng, ước tính nhập siêu 2,13 tỷ USD;
- CPI bình quân quý III năm 2021 tăng 2,51% so với cùng kỳ năm trước; CPI bình quân 9 tháng đầu năm tăng 1,82% so với cùng kỳ năm trước;
- Lãi suất huy động giảm trên toàn hệ thống; Lãi suất liên ngân hàng tăng, giảm đan xen giữa các kỳ hạn;
- Tỷ giá giao dịch trên các thị trường có diễn biến giảm; Giá vàng trong nước biến động thấp;
- Thị trường chứng khoán Việt Nam ghi nhận diễn biến trái chiều ở 3 chỉ số chính. Chỉ số VN-Index kết thúc quý III đạt 1.342,06 điểm, giảm 4,72% so với cuối quý trước; chỉ số HNX-Index đạt 357,33 điểm, tăng 10,52% và chỉ số UPCOM-Index đạt 96.56 điểm, tăng 6,99%.

I. KINH TẾ THẾ GIỚI

1. Kinh tế thế giới

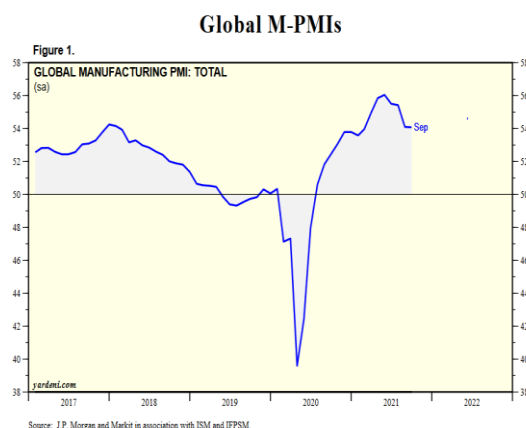
Diễn biến của kinh tế thế giới trong quý III về cơ bản vẫn giữ được đà phục hồi nhưng tốc độ đã chậm lại so với quý II do tác động lây lan của dịch bệnh từ biến chủng Delta. Dịch bệnh tiếp tục gia tăng ở mức đáng lo ngại trong 3 tháng vừa qua. Tại các nền kinh tế phát triển với các chương trình tiêm chủng được thúc đẩy mạnh mẽ, các ca nhiễm bệnh vẫn tăng lên hàng ngày, đáng chú ý là diễn biến tại Mỹ, tiếp đến là tại một số nền kinh tế chủ chốt tại Châu Âu như Đức, Pháp, Ý, Anh. Trong khi đó, diễn biến tăng, giảm đã diễn ra đan xen tại các nền kinh tế mới nổi, nhiều nước tại khu vực Châu Á, số ca nhiễm bệnh tăng nhanh khó kiểm soát và phải thực hiện các biện pháp phong tỏa trở lại. Thực tế đó đã ảnh hưởng tới chuỗi cung ứng hàng hóa trên toàn cầu, làm cho giá cả đầu ra và đầu vào tiếp tục tăng lên, tác động trực tiếp tới diễn biến của các khu vực kinh tế quan trọng tại các nước trên thế giới.

Khu vực sản xuất và dịch vụ toàn cầu diễn biến chậm lại

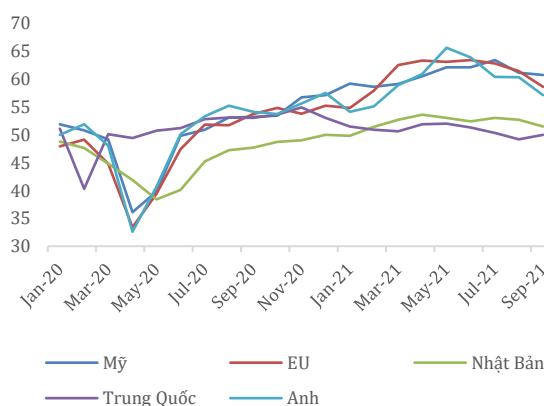
Trong quý III, cả khu vực sản xuất và dịch vụ đều góp phần làm giảm tốc độ tăng trưởng khi các ca nhiễm bệnh tăng vọt so với những quý liền trước. Các hoạt động kinh tế tiếp tục được mở rộng song tốc độ đã giảm về mức thấp so với đầu năm, thậm chí chỉ số PMI toàn cầu đã đạt mức tăng thấp nhất trong hơn một năm qua vào tháng 8.

Tại các nền kinh tế phát triển, Mỹ và khu vực Châu Âu tiếp tục có được đà mở rộng trong cả khu vực sản xuất và dịch vụ, đáng chú ý là diễn biến tích cực tại các nền kinh tế đầu tàu của khu vực như Đức, Ý, Pháp. Tuy nhiên, tốc độ tăng đã có xu hướng giảm qua các tháng, chỉ số PMI của khu vực sản xuất lần lượt là 60,5 điểm và 54,4 điểm trong tháng 9. Trong khi đó, diễn biến xấu hơn đã xuất hiện tại các nền kinh tế mới nổi, đặc biệt là tại khu vực Châu Á. Sản lượng hàng hóa sản xuất và đơn đặt hàng mới đều tăng với tốc độ chậm lại, thậm chí tại nhiều nước tình trạng sản lượng đã rơi về ngưỡng thu hẹp như tại Ấn Độ, Trung Quốc. Trong quý III, phần lớn các quốc gia đều phải đối mặt với vấn đề gián đoạn trong các chuỗi cung ứng, thời gian giao nhận hàng hóa kéo dài, chi phí đầu vào và đầu ra gia tăng liên tục.

Diễn biến chỉ số PMI trong lĩnh vực sản xuất toàn cầu



Diễn biến chỉ số PMI sản xuất của một số nền kinh tế lớn



Nguồn: JP Morgan Report, Trading Economics

Bên cạnh đó, khu vực dịch vụ tiếp tục bị ảnh hưởng nặng nề, diễn biến giảm rõ nét đã xuất hiện trong tháng 8 và kéo dài sang tháng 9, chỉ số PMI dịch vụ tại các nền kinh tế phát triển vẫn ở ngưỡng mở rộng nhưng chưa thể đạt mức điểm trên 60, trong đó,

Châu Âu đã có 2 tháng giảm liên tiếp sau chuỗi tăng liên tục trong 6 tháng. Đáng chú ý là diễn biến khu vực dịch vụ vẫn chưa thể tốt hơn tại Nhật, chỉ số PMI dịch vụ tiếp tục ở ngưỡng thu hẹp trong quý III, đạt 47,7 điểm vào tháng 9 và chỉ số này của Trung Quốc lần đầu tiên đã đạt mức thấp hơn 50 điểm vào tháng 8. Diễn biến của khu vực dịch vụ trong toàn cầu đã tiếp tục chịu ảnh hưởng từ các biện pháp giãn cách, đóng cửa nền kinh tế để kiểm soát dịch bệnh, nhu cầu đơn hàng mới đã xuất hiện tín hiệu giảm tại nhiều nước.

*Xu hướng
tích cực
của
thương
mại toàn
cầu đang
bị đe dọa*

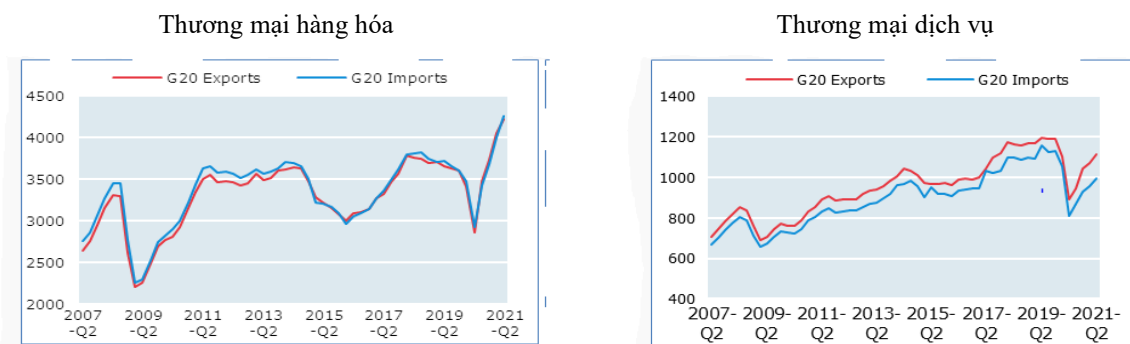
Hoạt động thương mại toàn cầu đã có sự hồi phục mạnh mẽ trở lại trong năm 2021, đặc biệt là diễn biến của quý II. Số liệu mới nhất cho thấy, diễn biến tăng đã xuất hiện trở lại trên nhiều nhóm hàng như hàng tiêu dùng, phương tiện xe cộ, nguyên vật liệu sản xuất,... thậm chí kim ngạch trao đổi của nhiều nhóm hàng đã bằng hoặc ở trên mức giao dịch vào thời điểm cuối năm 2019. Trong đó, đà phục hồi của cán cân thương mại dịch vụ diễn ra chậm hơn so với thương mại hàng hóa và không đồng đều giữa các nước, đặc biệt là các dịch vụ du lịch.

Trong cán cân thương mại hàng hóa của quý II, kim ngạch xuất khẩu của một số nước như Nga, Brazil, Úc đã tăng mạnh, giao động từ 10 – hơn 30% nhờ có những lợi thế về năng lượng, sắt, đậu nành, kim loại, than đá. Cán cân thương mại tại một số nền kinh tế lớn cũng có được mức tăng phù hợp, cụ thể Mỹ đạt 6,8% đối với hoạt động xuất khẩu và 4,2% đối với hoạt động nhập khẩu; khu vực Châu Âu lần lượt là 2,8% và 5,7% với nhu cầu cao về sản phẩm nông nghiệp và máy bay từ Trung Quốc và Hoa Kỳ; nước Anh đã có sự phục hồi mạnh mẽ trong xuất khẩu và nhập khẩu, lần lượt là 12,3% và 11,3% sau đà giảm trong quý đầu năm. Trong khi đó, hoạt động nhập khẩu đã tăng mạnh hơn xuất khẩu tại các nền kinh tế Đông Á, ví dụ như tại Hàn Quốc và Nhật Bản, tốc độ tăng trưởng trong hoạt động xuất khẩu lần lượt là 2,2% và 2,7% nhưng trong hoạt động nhập khẩu đã tăng lên 11,8% và 7,4%, tập trung ở nhóm hàng xe cộ và phụ tùng. Hoạt động xuất khẩu của Trung Quốc tiếp tục giảm 2,5% trong quý II thay vào đó hoạt động nhập khẩu tăng 10,9%, chủ yếu tăng mạnh ở nhóm kim loại, sản phẩm nông nghiệp và bán dẫn.

Trong cán cân thương mại dịch vụ, hoạt động xuất khẩu dịch vụ của các nền kinh tế lớn như Mỹ, khu vực Châu Âu, Nhật, Trung Quốc tăng giao động từ 3,6 – 7,4%, trong đó, tăng mạnh nhất là Trung Quốc với lợi thế về hoạt động vận chuyển, các nước còn lại đã ghi nhận xu hướng tăng của cán cân dịch vụ tài chính và du lịch. Bên cạnh đó, hoạt động nhập khẩu tăng giao động 2,3 – 8,9%. Ngoài ra, một số nền kinh tế cũng ghi nhận tốc độ giảm hoặc tăng trưởng âm của cán cân xuất khẩu hoặc nhập khẩu dịch vụ như Nga, Úc, Anh.

Mặc dù vậy, đà phục hồi của hoạt động thương mại toàn cầu đang phải đối mặt với những hạn chế trong chuỗi cung ứng do nhiều nước, đặc biệt là tại khu vực Châu Á vẫn đang áp dụng các biện pháp đóng cửa các hoạt động kinh tế do diễn biến nhanh của dịch bệnh. Thêm vào đó, công suất hoạt động của các thùng chứa, kho chứa hàng hóa tại các cảng vận chuyển cũng đã có ảnh hưởng tiêu cực lên chuỗi cung ứng.

Hoạt động thương mại theo quý của các nước trong nhóm G 20



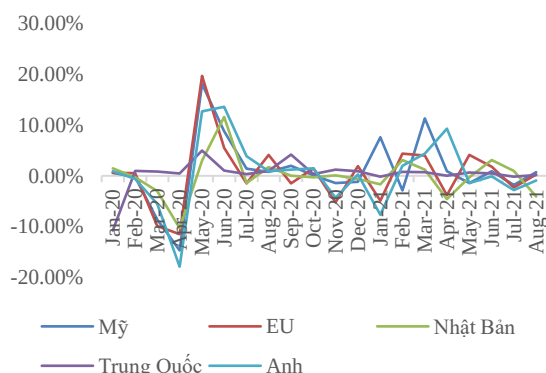
Nguồn: OECD Report

Doanh số bán lẻ diễn biến xấu đi

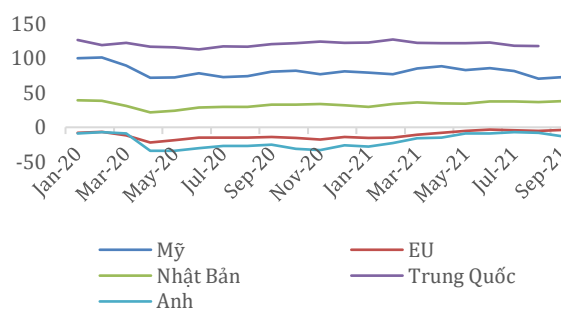
Trong quý III, rủi ro của biến chủng Delta đã ảnh hưởng mạnh tới lĩnh vực tiêu dùng – được xem là động lực phục hồi của nền kinh tế sau đại dịch. Khác với diễn biến tăng tốc liên tục kể từ đầu năm, doanh số bán lẻ đã có diễn biến xấu đi rất nhiều trong 03 tháng vừa qua, diễn biến không ổn định, tăng trưởng ở mức thấp hoặc mức tăng trưởng âm xuất hiện trở lại tại nhiều nền kinh tế. Diễn biến thiếu tích cực của hoạt động tiêu dùng tiếp tục chịu ảnh hưởng bởi các biện pháp kiểm soát dịch bệnh, doanh thu tiêu dùng tiếp tục giảm đối với các mặt hàng như đồ ăn, đồ uống, trang thiết bị nhà cửa, ô tô, giải trí,... Theo số liệu mới nhất, mức tăng trưởng doanh thu bán lẻ ở hầu hết các nền kinh tế đều suy giảm trong quý III, tại các nền kinh tế lớn tốc độ tăng trưởng so với cùng kỳ cũng chỉ đạt mức cao nhất là 3,1% thuộc về khu vực Châu Âu trong khi Trung Quốc đã giảm xuống mức 2% - thấp hơn rất nhiều so với mức độ tăng trưởng 2 con số trong nửa đầu năm.

Thêm vào đó, doanh số bán lẻ theo tháng đã xuất hiện tăng trưởng âm trở lại, trong đó, khu vực Châu Âu có mức tăng trưởng giảm lớn nhất là -2,3% vào tháng 7, ghi nhận diễn biến giảm tại hầu hết các nền kinh tế đầu tàu của khu vực, đáng chú ý là mức giảm lớn hơn -5% của Đức trong cùng tháng. Bên cạnh đó, nước Anh cũng lần lượt có mức tăng trưởng âm liên tục trong nhiều tháng liên tiếp, lần lượt là -2,8% và -0,9% trong 2 tháng đầu quý. Tiếp đến Mỹ, Nhật Bản, Trung Quốc đều đã xuất hiện mức tăng trưởng âm, chứng kiến mức giảm cao nhất là -4,1% của Nhật vào tháng 8. Trước diễn biến ngày càng phức tạp của dịch bệnh trên toàn thế giới, chỉ số niềm tin người tiêu dùng diễn biến không ổn định và đạt ở mức thấp trong các tháng vừa qua.

Diễn biến doanh số bán lẻ tại một số nước lớn



Diễn biến chỉ số niềm tin người tiêu dùng



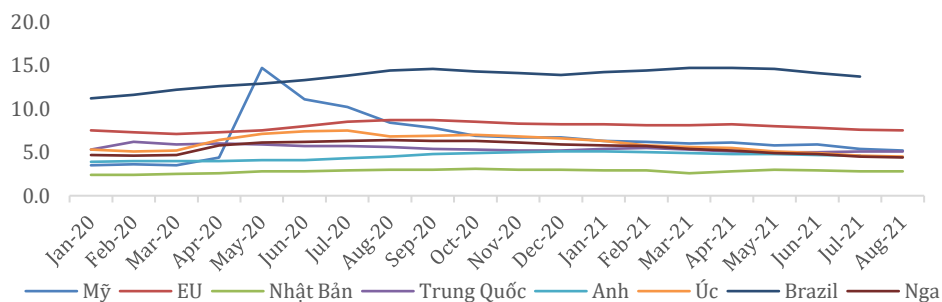
Nguồn: Trading Economics

Thị trường việc làm được cải thiện

Trong 03 tháng vừa qua, các chính sách hỗ trợ người lao động và việc làm tiếp tục có ảnh hưởng tích cực lên thị trường lao động toàn cầu. Diễn biến của thị trường lao động tại các nền kinh tế tiếp tục được cải thiện rõ ràng, tỷ lệ tham gia vào lực lượng lao động tại các nước đã có sự dịch chuyển, việc làm mới tăng qua các tháng, tỷ lệ thất nghiệp trong giới trẻ có xu hướng giảm. Tỷ lệ thất nghiệp đạt mức cao hơn tại các nền kinh tế lớn, giao động từ 4,5% - 7,6%. Cụ thể, tỷ lệ thất nghiệp tại khu vực Châu Âu theo số liệu công bố mới nhất đạt 7,6%, trong đó, Tây Ban Nha và Ai Cập là 02 quốc gia có tỷ lệ thất nghiệp cao nhất trong khu vực, lần lượt là 14,3%; 14,6% và thấp nhất là Hà Lan với tỷ lệ là 3,1%. Bên cạnh đó, Canada, Ấn Độ cũng là những nước có tỷ lệ thất nghiệp khoảng 7% mặc dù đã có cải thiện đáng kể so với diễn biến trong những tháng đầu năm. Đạt ở tỷ lệ thấp hơn có thể kể đến Mỹ, Úc, Brazil, Nga... với xu hướng giảm liên tục qua các tháng.

Trong khi đó, nhiều nền kinh tế lớn khác tại khu vực Châu Á, thị trường việc làm cũng có diễn biến cải thiện nhưng tỷ lệ thất nghiệp ở mức thấp hơn, giao động từ 1,9% – 4,8%, thậm chí có những nước, tỷ lệ thất nghiệp đã giảm xuống mức thấp kể từ đầu năm như Nhật, Thái Lan, lần lượt là 2,8% và 1,9%. Trong khi đó, Trung Quốc là nền kinh tế lớn duy nhất mà thị trường việc làm có xu hướng thiếu tích cực, tỷ lệ thất nghiệp đã tăng khoảng 0,1 – 0,2 điểm phần trăm so với các tháng trước, hiện đạt 5,1% và ghi nhận tỷ lệ thất nghiệp ở người trẻ cao, lớn hơn 15%.

Tỷ lệ thất nghiệp tại một số nền kinh tế



Nguồn: Trading Economics

Lạm phát tiếp tục gia tăng trên toàn cầu

Lạm phát giá tiêu dùng tổng thể cũng tăng lên tại nhiều nền kinh tế trong những tháng qua. Các nước thuộc nhóm G20, lạm phát tại Brazil, Argentina, Thổ Nhĩ Kỳ tiệm cận hoặc đã ở mức 2 con số; lạm phát hàng năm đã vượt 5% tại Mỹ, Mexico, Ấn Độ, Nga; diễn biến thấp hơn tại khu vực Châu Âu và Châu Á nhưng cũng đã vượt mục tiêu đề ra ngoại trừ Nhật Bản. Bên cạnh đó, tỷ lệ lạm phát cơ bản cũng tăng lên, tại các nước phát triển, tỷ lệ hiện tại tương đương với các con số xuất hiện vào thời gian trước khi bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh. Lạm phát tăng trong những tháng vừa qua chịu sức ép từ giá cả hàng hóa và chi phí vận chuyển tăng. Khi nhu cầu hàng hóa trên thế giới tăng mạnh trở lại trong bối cảnh chuỗi cung ứng bị đứt gãy, hàng tồn kho ở mức thấp, dịch bệnh tiếp tục bùng phát trên diện rộng với các biến chủng phức tạp đã đẩy giá cả hàng hóa và chi phí vận chuyển gia tăng, đặc biệt là tại khu vực Bắc Mỹ và Châu Âu. Thực tế đó đã làm gia tăng lạm phát giá nhập khẩu hàng hóa và lạm phát giá tiêu dùng.

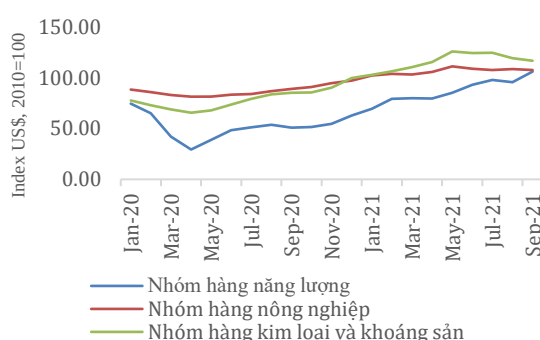
Giá cả về cơ bản vẫn tăng, tăng mạnh

Trong quý III, giá cả hàng hóa toàn cầu có diễn biến chưa ổn định, bên cạnh diễn biến giảm trên một số nhóm hàng như dầu dừa, đậu nành, gạo, kim loại quý,... diễn biến tăng vẫn xuất hiện trên các mặt hàng chủ chốt như năng lượng, kim loại, dầu ăn, cà phê, nguyên vật liệu phục vụ cho công nghiệp chế biến, chế tạo,... Giá cả hàng hóa

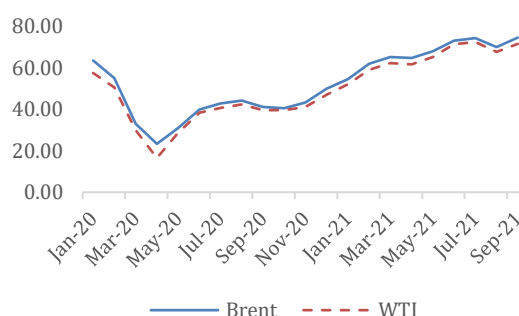
nhất là giá dầu

binh quân trong 3 tháng vừa qua đã tăng giao động trong khoảng 6% - > 50% so với đầu năm, trong đó tăng mạnh nhất là nhóm hàng năng lượng, phân bón. Cụ thể, giá dầu đã tăng vượt ngưỡng giá trước đại dịch, đến cuối quý III, giá dầu WTI và Brent giao ngay lần lượt ở mức 75.44 USD/thùng và 79.13 USD/thùng; chỉ số giá phân bón ở mức 129.49 USD; giá kim loại tăng chủ yếu do nhu cầu lớn từ các nền kinh tế phát triển và Trung Quốc; giá thực phẩm cũng đã tăng cao vào một số thời điểm khi nhu cầu tăng mạnh và diễn biến thời tiết không thuận lợi. Ngoài ra, giá cả vận chuyển hàng hóa cũng tăng 2 – 3 lần so với đầu năm trước những khó khăn trong việc vận chuyển, kho bãi, các tiêu chuẩn vệ sinh, các quy định giãn cách,... đặc biệt là tại khu vực Châu Á trong thời gian vừa qua.

Diễn biến chỉ số giá của một số nhóm hàng trong năm 2021

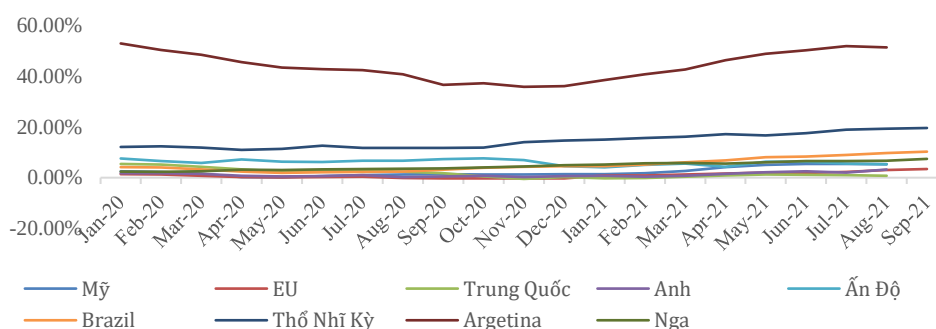


Diễn biến giá dầu bình quân



Nguồn: world bank

Diễn biến lạm phát tại một số nền kinh tế



Nguồn: Trading Economics

2. Điều hành chính sách của NHTW các quốc gia

Lãi suất điều hành của NHTW toàn cầu tiếp tăng

Theo thống kê của tổ chức Central Bank News, trong quý III đã có hơn 25 NHTW tăng lãi suất và có 03 NHTW cắt giảm lãi suất (Thổ Nhĩ Kỳ, Đan Mạch, Liberia). Tính đến cuối quý, chỉ số lãi suất toàn cầu (GMPR) do Central Bank News thống kê ở mức 5,02%, tăng 0,17 điểm phần trăm so với cuối quý trước và tăng 0,52 điểm phần trăm so với đầu năm.

Trong quý III có khoảng 09 NHTW tăng lãi suất 2 lần và 01 NHTW tăng lãi suất 03 lần trong vòng 03 tháng, diễn ra chủ yếu tại khu vực Đông Âu, Trung Á và Nam Mỹ, với biên độ điều chỉnh giao động từ 15 – 100 điểm cơ bản. Trong đó, nhiều NHTW như Brazil, Hungary,... đã điều chỉnh tăng lãi suất điều hành từ 4 – 5 lần kể từ đầu năm. Lãi suất điều hành của phần lớn NHTW các nước trên thế giới đang có xu hướng tăng trước áp lực của lạm phát, bên cạnh đó, việc điều chỉnh dần dần khả năng thích ứng của CSTT khi kinh tế có những diễn biến tích cực cũng có tác động tới diễn

biến tăng liên tục của lãi suất trong những tháng vừa qua.

Đồng thời, trong quý III, CSTT của NHTW các nước lớn về cơ bản vẫn giữ nguyên trạng thái thích ứng, Cục dự trữ liên bang Mỹ, NHTW Châu Âu, Nhật Bản vẫn duy trì lãi suất điều hành ở mức thấp và tiếp tục thực hiện các chương trình mua trái phiếu hàng tháng trên cơ sở hướng tới mục tiêu lạm phát linh hoạt hơn. Mặc dù vậy, trong cuộc họp của Fed vào cuối tháng 9, thông điệp về việc sẽ rút dần quy mô chương trình mua trái phiếu Chính phủ hàng tháng trị giá 120 tỷ USD sẽ sớm diễn ra nếu số liệu tăng trưởng việc làm mạnh một cách hợp lý và dự kiến quá trình thu hẹp sẽ kết thúc vào giữa năm sau. Trong khi đó, NHTW Trung Quốc tiếp tục có động thái hỗ trợ thanh khoản cho nền kinh tế thông qua việc đã cắt giảm 0,5 điểm phần trăm tỷ lệ dự trữ bắt buộc áp dụng cho tất cả các tổ chức tài chính đủ điều kiện từ ngày 15/7; giữ nguyên lãi suất đối với các khoản cho vay trong trung hạn ở mức 2,95% và các điều kiện cho vay ở mức hợp lý.

3. Diễn biến thị trường ngoại hối, vàng, chứng khoán

Diễn biến thị trường ngoại hối

Đồng USD mạnh lên khi dịch bệnh bùng phát trở lại

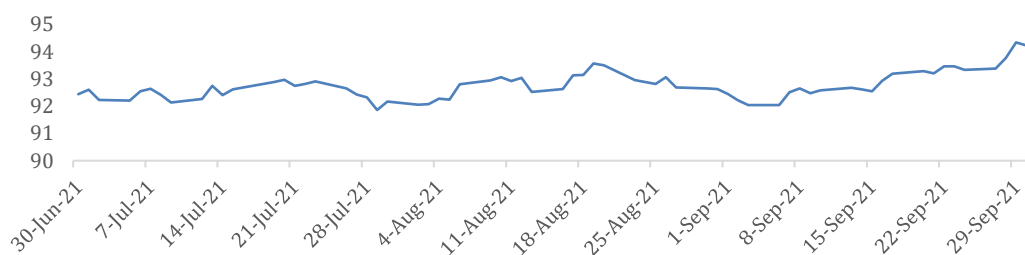
Đồng USD trong quý III đã có diễn biến ngược dòng so với quý II và so với cùng kỳ năm ngoái, chỉ số USD index đã tăng trở lại, bắt đầu tăng từ tháng 8 và cũng như các quý trước đạt mức tăng cao nhất vào tháng giao dịch cuối quý ở mức 1,73%. Kết thúc 03 tháng giao dịch, USD index giao ngay và kỳ hạn lần lượt tăng là 1,94% và 1,96%.

Trong quý III, khi bệnh dịch bùng phát phức tạp trở lại tại nhiều quốc gia trên thế giới, yếu tố bất ổn gia tăng đe dọa sự phục hồi của kinh tế toàn cầu đã dẫn đến những biến động nhất định trên thị trường ngoại hối. Trước diễn biến kinh tế có xu hướng đi xuống trên diện rộng, kinh tế Mỹ vẫn là một điểm sáng khi các chỉ số kinh tế chính vẫn giữ được xu hướng phục hồi, đặc biệt là sự cải thiện trên thị trường lao động. Thực tế đó là động lực chính nâng đỡ cho diễn biến của đồng bạc xanh trong quý, nhu cầu nắm giữ đồng đô la phi thương mại đã gia tăng. Bên cạnh đó, định hướng điều hành CSTT đã rõ ràng hơn trong tháng 9 cũng có ảnh hưởng tích cực tới tuần giao dịch cuối cùng của quý, chỉ số USD index giao ngay đã tăng mạnh trong 02 ngày giao dịch 28 – 29/9 với tổng mức tăng lớn 1% khi người đứng đầu của Fed đã khẳng định rằng các gói kích thích kinh tế sẽ được thu hẹp dần trong những tháng tới.

Mặc dù đã có được xu hướng tích cực trong quý III song đồng bạc xanh cũng có những áp lực nhất định từ việc dịch bệnh lan rộng tại nhiều bang và diễn biến tăng của lạm phát, đáng chú ý là diễn biến giảm của USD index trong tháng 7, ở mức 0,28%.

Kết thúc tháng 9, chỉ số USD index giao ngay và kỳ hạn lần lượt là 94.23 và 94.24.

Diễn biến chỉ số usd index



Nguồn: investing.com

Hai đồng tiền mạnh tại khu vực Châu Âu có diễn biến tích cực

Trái ngược với diễn biến tích cực của đồng bạc xanh trong quý III, hai đồng tiền mạnh tại khu vực Châu Âu đã giảm so với đồng USD – diễn biến ngược chiều so với cùng kỳ năm ngoái. Theo đó, đồng EUR đã giảm hơn 2,3% và đồng GBP giảm 2,57%, cả hai đồng tiền đều giảm mạnh trong tháng 9 lần lượt là 1,91% và 2,05%, chịu tác động mạnh từ diễn biến của đồng USD và dịch bệnh trên toàn khu vực. Ngoài ra, định hướng điều hành CSTT có xu hướng khác biệt giữa Mỹ và khu vực Châu Âu cũng ảnh hưởng nhất định đến 2 đồng tiền này, đặc biệt là xu hướng giảm mạnh/ngày giao dịch vào cuối tháng 9.

Trong quý III, đồng EUR đã tăng giá so với đồng USD vào tháng 7 và giảm liên tục trong 2 tháng tiếp theo. Những tín hiệu kinh tế lạc quan khi nền kinh tế hoạt động trở lại sau khi các lệnh phong tỏa dần được dỡ bỏ tại các nền kinh tế lớn trong khu vực là động lực cho đà tăng của đồng EUR trong tháng đầu quý. Tuy nhiên diễn biến tích cực đó đã không kéo dài, đồng EUR đã giảm trở lại khi kinh tế khu vực chưa thể bứt phá và lại rơi vào xu hướng chung của kinh tế toàn cầu. Bên cạnh đó, lập trường kiên định đối với việc sẽ duy trì chính sách tiền tệ nới lỏng để hỗ trợ kinh tế của ECB mặc dù gần đây đã có ý kiến nhất trí về việc mua vào các chứng khoán hỗ trợ khẩn cấp hàng tháng ở mức thấp hơn đã không hỗ trợ cho đồng EUR. Đồng tiền chung khu vực đã có 01 tháng giao dịch thiếu tích cực nhất trong tháng 9, chỉ ghi nhận 06 ngày giao dịch giá tăng, xu hướng giảm liên tiếp trong 2 tuần giao dịch cuối tháng, ghi nhận mức giảm lớn nhất là 0,74%/ngày giao dịch vào ngày 29/9.

Có cùng xu hướng diễn biến, đồng Bảng Anh cũng có 01 tháng tăng và 02 tháng giảm liên tiếp với mức giảm lớn hơn đồng EUR. Tăng trưởng kinh tế giảm cùng với lạm phát gia tăng trong những tháng vừa qua đã ảnh hưởng thiếu tích cực lên đồng GBP. Ngoài ra, tình trạng thiếu hụt năng lượng và thực phẩm do việc đứt gãy các chuỗi cung ứng và thiếu hụt lao động cũng như những căng thẳng hậu Brexit, cụ thể là đối với Bắc Ai Len cũng có tác động nhất định đến đồng tiền này. Trong tháng 9, đồng GBP cũng ghi nhận diễn biến giảm là chủ yếu, với 02 ngày giao dịch giảm với tổng mức giảm lên đến 2% vào ngày 28 – 29/9.

Kết thúc tháng 9, cặp tỷ giá EUR/USD giao dịch ở mức 1.1581 và cặp tỷ giá GBP/USD giao dịch ở mức 1.3472.

Thêm vào đó, thị trường ngoại hối trong quý III cũng ghi nhận diễn biến giảm liên tục của 2 đồng tiền mạnh là đồng AUD và đồng CAD so với đồng USD, lần lượt giảm 3,63% và 2,3%. Xu hướng giảm của hai đồng tiền này bị ảnh hưởng mạnh bởi dịch bệnh, đặc biệt là tình trạng khẩn cấp tại nhiều bang lớn của nước Úc. Bên cạnh đó, các diễn biến kinh tế chưa được như kỳ vọng, đáng chú ý là các hoạt động thương mại bị ảnh hưởng mạnh bởi tình trạng giá cả hàng hóa gia tăng, chậm trễ trong khâu cung ứng và xu hướng điều hành CSTT thắt chặt đang diễn ra tại nhiều nước cũng có ảnh hưởng nhất định tới diễn biến của 02 đồng tiền. Kết thúc tháng 9, cặp tỷ giá AUD/USD giao dịch ở mức 0.7226 và cặp tỷ giá USD/CAD giao dịch ở mức 1.2678.

Đồng JPY và đồng CNY có diễn biến trái chiều

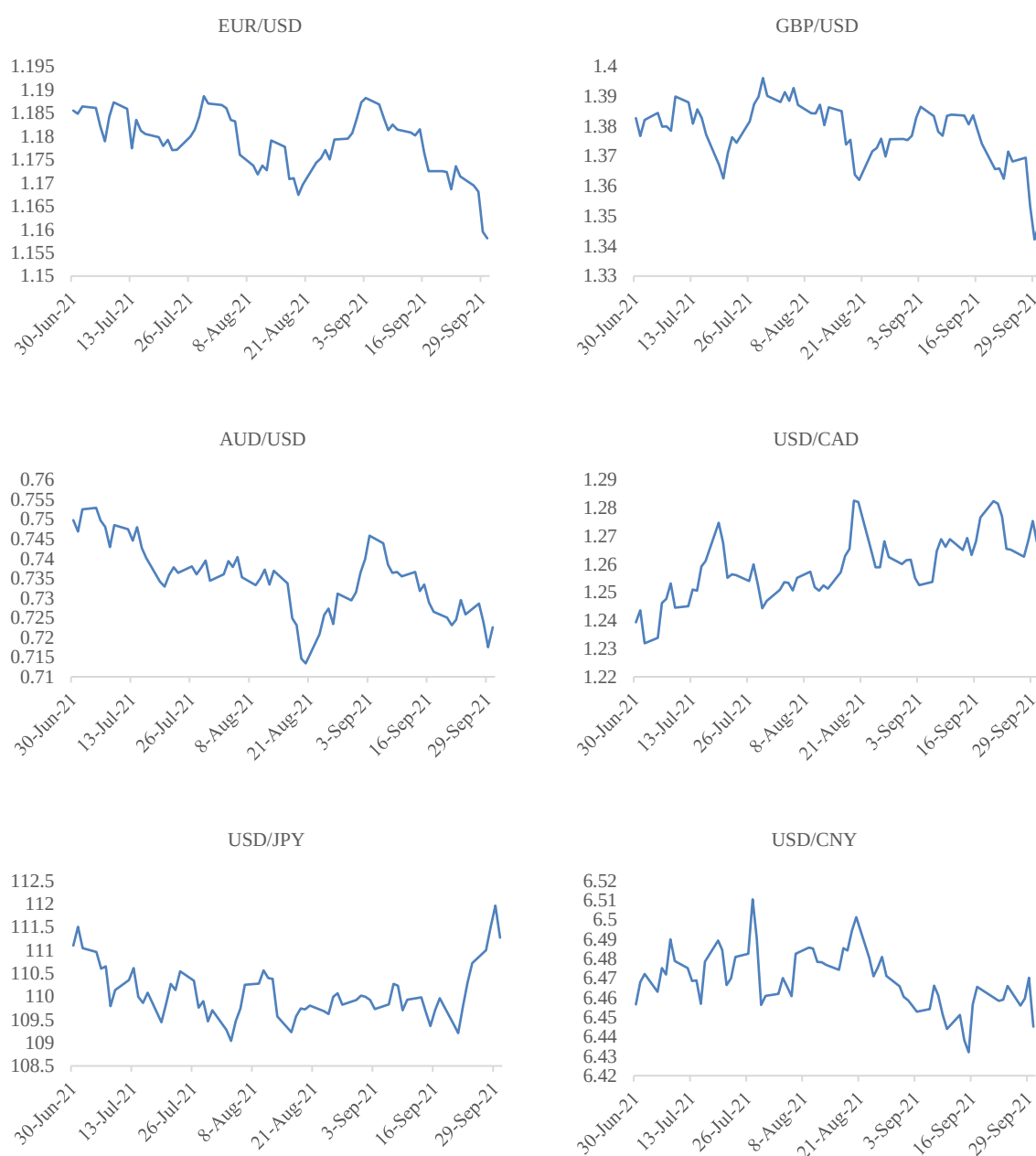
Trong quý III, 02 đồng tiền mạnh của khu vực Châu Á là đồng JPY và đồng CNY đã có diễn biến trái chiều và có biến động nhẹ so với đồng USD. Cụ thể, đồng JPY đã 01 tháng tăng và 02 tháng giảm liên tiếp, kết thúc quý giảm 0,15% so với đồng bạc xanh. Diễn biến kinh tế chưa có thêm những tín hiệu tích cực rõ nét đã không hỗ trợ cho đồng JPY. Trong điều kiện lạm phát vẫn ở mức thấp, chưa đạt được mục tiêu đề ra, CSTT tiếp tục được nới lỏng mạnh để thúc đẩy các hoạt động kinh tế đã ảnh

hưởng mạnh đến diễn biến của đồng JPY.

Bên cạnh đó, đồng CNY lại có diễn biến ngược lại, tăng nhẹ 0,18% sau 3 tháng giao dịch – duy trì đà tăng trong 2 quý liên tiếp. Đồng CNY đã giảm trong tháng 7 và tăng trong hai tháng còn lại của quý III với tổng mức tăng là 0,25%. Diễn biến của đồng CNY tiếp tục ổn định so với đồng USD mặc dù nền kinh tế đã xuất hiện rất nhiều quan ngại trong quý này. Định hướng điều hành CSTT theo hướng ổn định đã được PBoC xác định từ đầu năm cùng với nhu cầu nắm giữ tài sản đầu tư dưới hình thức trái phiếu của Trung Quốc tiếp tục được củng cố đã hỗ trợ tích cực cho sự ổn định của đồng CNY.

Kết thúc tháng 9, cặp tỷ giá USD/CNY chốt giao dịch ở mức 6.4452; cặp tỷ giá USD/JPY ở mức 111.27.

Diễn biến tỷ giá của các đồng tiền mạnh



Nguồn: investing.com

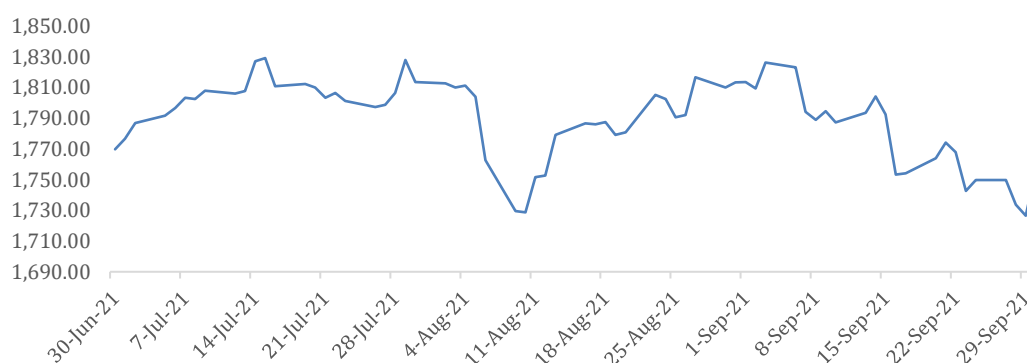
Diễn biến thị trường vàng

Giá vàng đã giảm nhẹ

Kết thúc quý III, giá vàng giao ngay và kỳ hạn đã giảm nhẹ so với xu hướng tăng mạnh của quý trước, cụ thể, giá vàng đã giảm lần lượt là 0,74% và 0,82%. Giá vàng đã ghi nhận mức tăng mạnh hơn 2% vào tháng 7 và giảm trong 2 tháng (tháng 8, 9) với tổng mức giảm hơn 3%. Diễn biến của giá vàng trong quý tiếp tục chịu ảnh hưởng từ các diễn biến kinh tế chính của nước Mỹ, khu vực Châu Âu, diễn biến tăng của lạm phát, căng thẳng địa chính trị tại khu vực Trung Đông. Bên cạnh đó, xu hướng tăng của lãi suất và xu hướng tăng trưởng tốt của thị trường chứng khoán trên toàn cầu từ đầu năm tới nay cũng ảnh hưởng bất lợi đến diễn biến của giá vàng. Qua 03 tháng giao dịch, giá vàng đã rơi xuống ngưỡng giá giao dịch quan trọng là 1.800 USD/ounce, đạt 1.756 USD/ounce đối giá vàng giao ngay và 1.757 USD/ounce đối với giá vàng kỳ hạn.

Mặc dù giá vàng không giữ được đà tăng trong quý III xong nhiều dự báo cho rằng tiềm năng bứt phá của giá vàng vẫn còn cơ hội. Theo dự báo mới nhất của Hội đồng vàng thế giới, nhu cầu vàng trang sức trong 6 tháng cuối năm giao động trong khoảng 1.600 – 1.800 tấn, lớn hơn so với năm 2020; nhu cầu vàng đầu tư tăng khoảng 1.250 – 1.400 tấn phù hợp với con số tăng trung bình trong vòng 10 năm và NHTW các nước sẽ tiếp tục mua vàng với mức mua ròng ngang bằng hoặc cao hơn so với tỷ lệ của năm 2020.

Diễn biến giá vàng thế giới



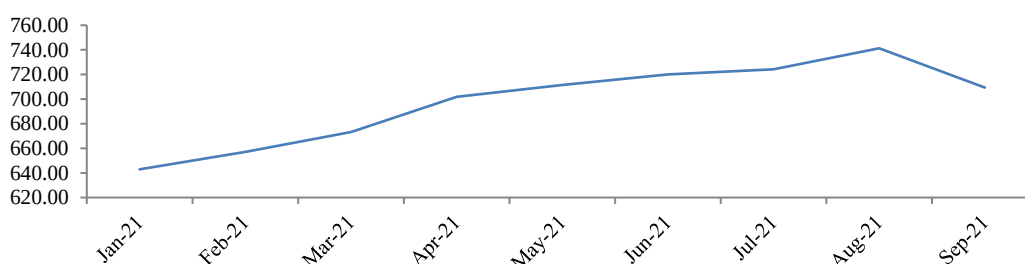
Nguồn: investing.com

Diễn biến thị trường chứng khoán

Thị trường chứng khoán toàn cầu giảm mạnh vào tháng giao dịch cuối quý

Trong quý III, thị trường chứng khoán toàn cầu đã giảm điểm, ghi nhận mức giảm mạnh nhất vào tháng 9 ở mức 4,28%, sau khi tăng 0,59% và 2,36% vào tháng 7, tháng 8. Thị trường chứng khoán các khu vực đều có chung xu hướng.

Diễn biến chỉ số MSCI ACWI 9 tháng đầu năm 2021



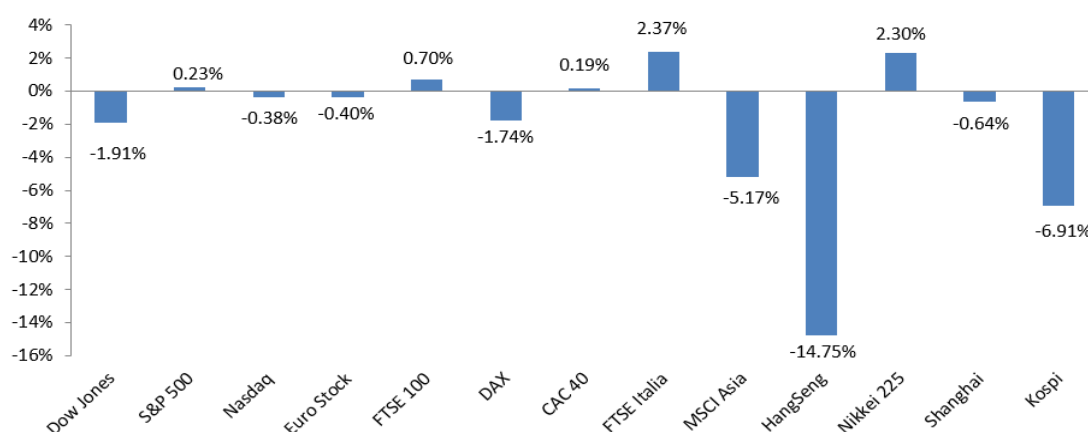
Nguồn: msci.com

Tại thị trường chứng khoán Mỹ trong quý III, diễn biến giảm của thị trường chịu ảnh hưởng mạnh từ áp lực tâm lý của nhà đầu tư trước những diễn biến đầy quan ngại của kinh tế trong nước và quốc tế như vấn đề lạm phát gia tăng, bế tắc trong việc nâng trần nợ công, tín hiệu thắt chặt CSTT, giá năng lượng tăng cao,... Trong tháng 9, chỉ số Dow Jones giảm 4,29%, S&P 500 sụt 4,76% và Nasdaq Composite lao dốc 5,31%. Hầu hết các lĩnh vực (trừ ngành năng lượng¹) đều giảm điểm, trong đó, ngành công nghiệp và nguyên vật liệu dẫn đầu đà giảm.

Cùng diễn biến với thị trường chứng khoán Mỹ, thị trường chứng khoán Châu Âu cũng có diễn biến không mấy tích cực trong quý III khi chỉ số Euro Stock toàn khu vực giảm nhẹ 0,4% so với cuối quý trước. Những lo lắng về lạm phát do tác nghẽn chuỗi cung ứng và xu hướng chậm lại của các lĩnh vực kinh tế đã ảnh hưởng đến diễn biến của thị trường trong tháng 9, mặc dù vậy, một số thị trường chủ chốt trong khu vực vẫn giữ được mức tăng nhẹ trong cả quý. Kết thúc phiên giao dịch cuối cùng của quý III, chỉ số CAC 40 của Pháp tăng 0,19%, chỉ số FTSE 100 của Anh tăng 0,70% và chỉ số FTSE Italia tăng 2,37%... Riêng chỉ số DAX của Đức giảm 1,74%, ảnh hưởng mạnh bởi cuộc bầu cử Tổng thống.

Thị trường chứng khoán Châu Á diễn biến kém tích cực hơn cả khi giảm điểm trong tháng 7 và tháng 9 và chỉ tăng duy nhất trong tháng 8, chỉ số MSCI khu vực Châu Á – Thái Bình Dương trong quý III đã giảm 5,17% so với cuối quý trước. Hầu hết thị trường chứng khoán chủ chốt trong khu vực đều giảm điểm do tác động từ thị trường chứng khoán Mỹ và ảnh hưởng bởi đợt bán tháo trên thị trường chứng khoán Trung Quốc khi xảy ra khủng hoảng thanh khoản của tập đoàn bất động sản Evergrande. Chỉ số HangSeng của Hồng Kông ghi nhận mức giảm mạnh nhất lên tới 14,75%, tiếp đó là chỉ số Kospi của Hàn Quốc giảm 6,91%, chỉ số FTSE Taiwan của Đài Loan giảm 3,42% và Shanghai của Trung Quốc giảm 0,64%. Ở chiều ngược lại, một số thị trường có diễn biến tích cực như Nikkei 225 của Nhật Bản tăng 2,3%, BSE của Ấn Độ tăng 11,69% và Jakarta Composite của Indonesia tăng 5,04%.

Mức độ biến động của các chỉ số chứng khoán chủ chốt quý III/2021



Nguồn: Bloomberg

TRIỂN VỌNG KINH TẾ THẾ GIỚI TRONG QUÝ IV/2021

Như vậy, kinh tế thế giới đã trải qua một quý với rất nhiều khó khăn do ảnh hưởng khó lường của dịch bệnh. Mặc dù về cơ bản xu hướng phục hồi vẫn được duy trì

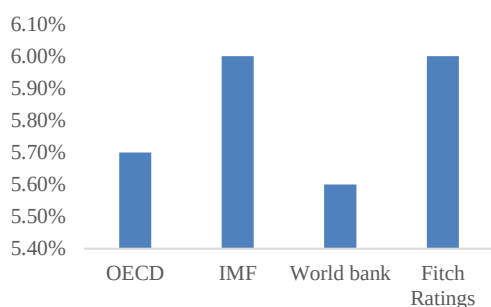
¹ Ngành năng lượng tăng hơn 9% trong tháng 9 do hạn chế nguồn cung đã đẩy giá lên mức cao - đặc biệt là dầu thô Brent

song các động lực tăng trưởng chính đang phải đối mặt với rất nhiều áp lực, cụ thể là xu hướng gia tăng liên tục của giá cả, tình trạng đứt gãy chuỗi cung ứng kéo dài, rủi ro từ các biến thể mới của virus,... Diễn biến của các nền kinh tế trên thế giới trong quý III đã ảnh hưởng không tích cực đến dự báo kinh tế toàn cầu trong 6 tháng còn lại cũng như dự báo cho cả năm 2021.

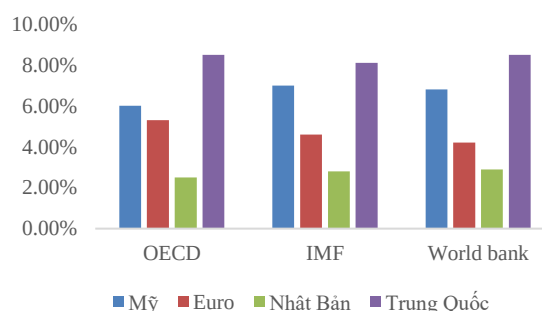
Sự phục hồi của kinh tế toàn cầu trong 03 tháng tới được nhìn nhận vẫn có nhiều khả năng được duy trì nhưng không đồng đều. Bởi vì rủi ro từ dịch bệnh vẫn tiếp tục ở mức cao trong khi chiến lược tiêm chủng tại các quốc gia chưa đạt được tỷ lệ tương đồng, việc mở cửa lại các hoạt động kinh tế và quy mô hỗ trợ từ Chính phủ các nước cũng không giống nhau. Các dự báo mới nhất đều đã thấp hơn so với nửa đầu năm, tăng trưởng kinh tế toàn cầu trong năm 2021 được dự báo tăng giao động trong khoảng 5,6 – 6%.

Trong những tháng còn lại của năm, kinh tế tại khu vực Châu Âu, Mỹ tiếp tục được kỳ vọng đóng góp lớn cho tăng trưởng toàn cầu, diễn biến kinh tế tại các nền kinh tế mới nổi có thể sẽ thiếu tích cực hơn, đáng chú ý là nền kinh tế lớn như Trung Quốc đang phải đối mặt với sự suy giảm và những vấn đề bất ổn nổi lên trong thời gian vừa qua như nợ quốc gia, bất động sản,... hay một số quốc gia đang phải đối mặt với vấn đề lạm phát, thu nhập hộ gia đình bị ảnh hưởng mạnh bởi giá năng lượng, giá thực phẩm, đặc biệt là tại các quốc gia có tỷ lệ tiêm phòng thấp khi dịch bệnh tiếp tục lan rộng. Mặc dù vậy, sự hỗ trợ mạnh mẽ của các chính sách vĩ mô và các điều kiện tài chính thích ứng tại các nền kinh tế lớn được kỳ vọng tiếp tục thúc đẩy được nhu cầu. Bên cạnh đó, những khó khăn tạm thời trong chuỗi cung ứng cũng sẽ dần được tháo gỡ khi các quốc gia cùng nỗ lực trong việc tìm kiếm các giải pháp phù hợp hay sự cải thiện của thị trường lao động ngày càng được khẳng định,... cũng sẽ là những yếu tố tác động tích cực đến đà tăng của tổng cầu trong những tháng cuối năm.

Dự báo của một số tổ chức về tăng trưởng kinh tế toàn cầu trong năm 2021



Dự báo của một số tổ chức về tăng trưởng kinh tế của một số nước trong năm 2021



II. KINH TẾ TRONG NƯỚC

1. Tăng trưởng kinh tế

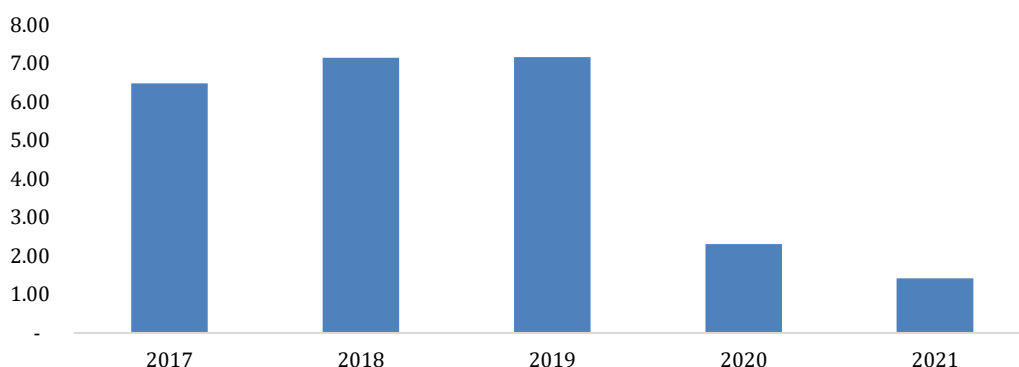
Kinh tế đã tăng trưởng âm trong quý III

Trong 3 tháng vừa qua, các khu vực kinh tế quan trọng đã thực sự bị ảnh hưởng nặng nề bởi đợt dịch bùng phát lần thứ tư trên khắp các tỉnh, thành trên cả nước, trong đó, đáng chú ý là diễn biến nghiêm trọng tại các tỉnh phía Nam dẫn đến sự gián đoạn kéo

dài trong các hoạt động kinh tế. Tăng trưởng GDP quý III/2021 ước tính giảm 6,17% so với cùng kỳ năm trước, là mức giảm sâu nhất kể từ khi Việt Nam tính và công bố GDP quý đến nay. Trong đó, diễn biến tăng chỉ xuất hiện ở khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản, ở mức 1,04%; khu vực công nghiệp và xây dựng đã giảm 5,02%; khu vực dịch vụ giảm 9,28%.

Xu hướng giảm trong quý III đã ảnh hưởng mạnh đến GDP trong 9 tháng đầu năm, GDP chỉ tăng 1,42% so với cùng kỳ năm trước. Trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,74%, đóng góp 23,52%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 3,57%, đóng góp 98,53%; khu vực dịch vụ giảm 0,69%, làm giảm 22,05%.

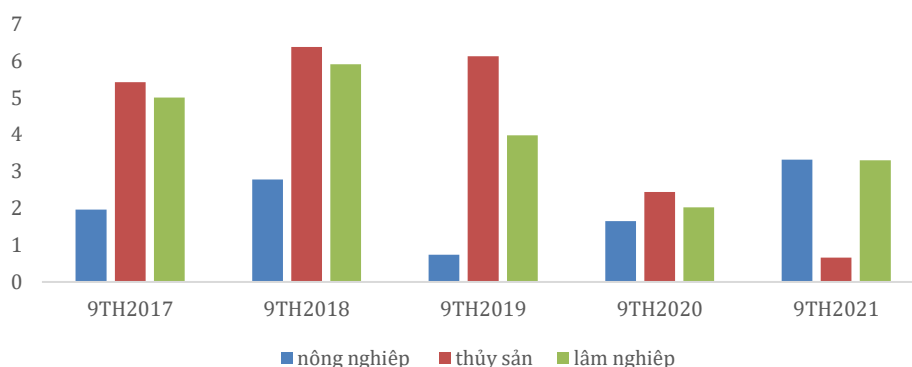
Tăng trưởng GDP 9 tháng so với cùng kỳ năm trước giai đoạn 2017 – 2021 (%)



Nguồn: TCTK

+ Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tiếp tục giữ được tốc độ tăng trưởng kể từ đầu năm. Nhờ có những thuận lợi về thời tiết, năng suất cây trồng và chăn nuôi ổn định và hoạt động xuất khẩu một số mặt hàng nông sản, khu vực này đã đóng vai trò là bệ đỡ cho nền kinh tế trong đại dịch. Theo đó, ngành nông nghiệp tăng 3,32%, đóng góp 0,31 điểm phần trăm vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; ngành lâm nghiệp tăng 3,3%, đóng góp 0,02 điểm phần trăm; ngành thủy sản tăng 0,66%, đóng góp 0,02 điểm phần trăm.

Tăng trưởng của ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản giai đoạn 2017 – 2021 (%)

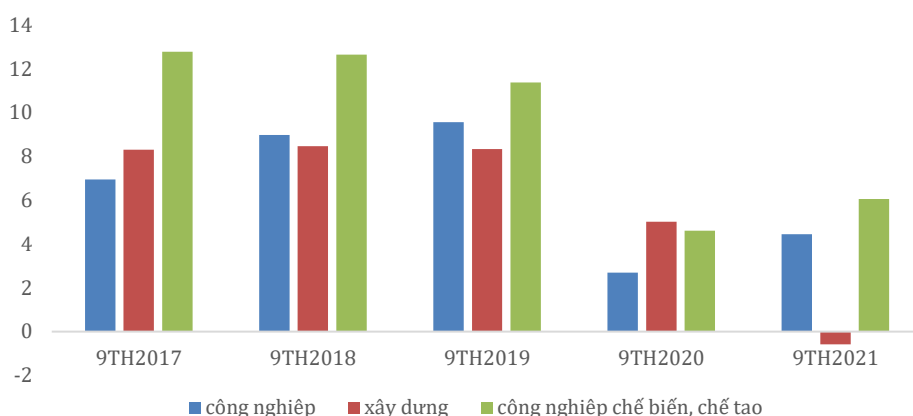


Nguồn: TCTK

+ Khu vực công nghiệp và xây dựng: diễn biến giảm đã xuất hiện trong lĩnh vực xây dựng giảm 0,58%, làm giảm 0,04 điểm phần trăm vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng

thêm của toàn nền kinh tế. Trong khi đó, giá trị tăng thêm toàn ngành công nghiệp ước tính tăng 4,45% so với cùng kỳ năm trước, công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục là động lực tăng trưởng chính của nền kinh tế với tốc độ tăng 6,05%, đóng góp 1,53 điểm phần trăm. Tiếp đến ngành sản xuất và phân phối điện tăng 5,24%, đóng góp 0,2 điểm phần trăm. Ngành khai khoáng tiếp tục giảm ở mức 7,17%, làm giảm 0,27 điểm phần trăm (sản lượng dầu thô khai thác giảm 6% và khí đốt tự nhiên giảm 17,6%).

Tăng trưởng của ngành công nghiệp; xây dựng; công nghiệp chế biến, chế tạo giai đoạn 2017 – 2021 (%)



Nguồn: TCTK

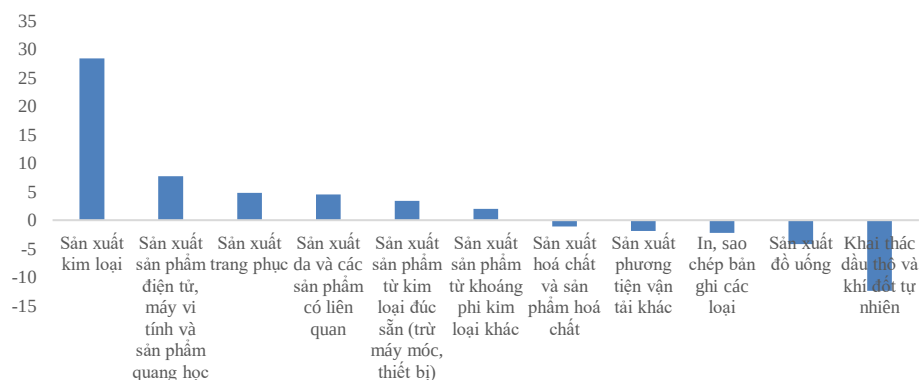
Trong 9 tháng của năm 2021, trên cả nước có 09 tỉnh, thành có chỉ số sản xuất công nghiệp giảm, chủ yếu tập trung ở phía Nam, ghi nhận mức giảm mạnh nhất là thành phố Hồ Chí Minh, ở mức 12,9% và thấp nhất là Vĩnh Long với mức giảm là 4,5%. Bên cạnh đó, cũng có 10 địa phương có chỉ số IIP tăng, ghi nhận mức tăng cao tại Ninh Thuận, Đắk Lắk, Hải Phòng, Nghệ An, Gia Lai với mức tăng giao động từ 18,3 – 32,6%.

Trong 9 tháng qua, số lượng các ngành công nghiệp cấp II có chỉ số sản xuất cao trên 2 con số đã giảm đáng kể, duy nhất chỉ có ngành sản xuất kim loại tăng 28,4%. Các ngành sản xuất quan trọng khác như sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học, sản xuất trang phục, sản xuất da và các sản phẩm có liên quan, sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn chỉ có mức tăng giao động từ 3,4 – 7,7%. Trong khi đó, khai thác dầu thô và khí đốt tự nhiên tiếp tục giảm, ở mức 12,4%; sản xuất đồ uống giảm 4,2%; in, sao chép bản ghi các loại giảm 2,2%; sản xuất phương tiện vận tải khác giảm 1,9%; sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất giảm 1,1%.

Tính chung 9 tháng năm 2021, chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 2,8% so với cùng kỳ năm trước. Chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo trong tháng 9/2021 tăng 12,4% so với tháng trước và giảm 11,2% so với cùng kỳ năm trước.

Tính đến thời điểm cuối tháng 9, chỉ số tồn kho toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo ước tính tăng 28,2% so với cùng thời điểm năm trước (cùng thời điểm năm trước tăng 24,3%). Tỷ lệ tồn kho toàn ngành chế biến, chế tạo bình quân 9 tháng năm 2021 là 81,1% (cùng kỳ năm trước là 75,6%).

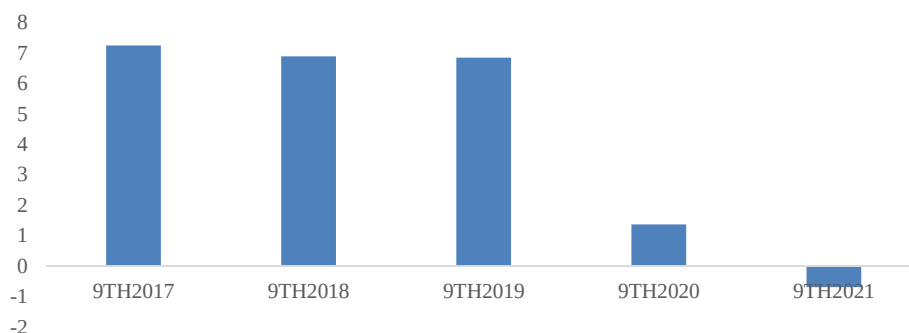
Tốc độ tăng/giảm của một số ngành công nghiệp trọng điểm (%)



Nguồn: TCTK

+ Khu vực dịch vụ: đã bị ảnh hưởng mạnh nhất bởi diễn biến của dịch bệnh. Tăng trưởng âm trong 9 tháng năm 2021 của một số ngành dịch vụ chiếm tỷ trọng lớn đã làm giảm mức tăng chung của khu vực dịch vụ và toàn bộ nền kinh tế. Cụ thể, ngành bán buôn, bán lẻ giảm 3,1% so với cùng kỳ năm trước, làm giảm 0,3 điểm phần trăm trong tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; ngành vận tải kho bãi giảm 7,79%, làm giảm 0,47 điểm phần trăm; ngành dịch vụ lưu trú và ăn uống giảm 23,18%, làm giảm 0,57 điểm phần trăm. Trong khi đó, ngành y tế và hoạt động trợ giúp xã hội đạt tốc độ tăng cao nhất với mức tăng 21,15%, đóng góp 0,26 điểm phần trăm; hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tăng 8,37%, đóng góp 0,45 điểm phần trăm; ngành thông tin và truyền thông tăng 5,24%, đóng góp 0,32 điểm phần trăm.

Tăng trưởng của khu vực dịch vụ giai đoạn 2017 – 2021 (%)



Nguồn: TCTK

Về cơ cấu nền kinh tế 9 tháng năm 2021, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 12,79%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 38,03%; khu vực dịch vụ chiếm 40,19%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 8,99%.

Về sử dụng GDP 9 tháng năm 2021, tiêu dùng cuối cùng tăng 1,6% so với cùng kỳ năm trước; tích lũy tài sản tăng 4,27%; xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 14,21%; nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 18,46%.

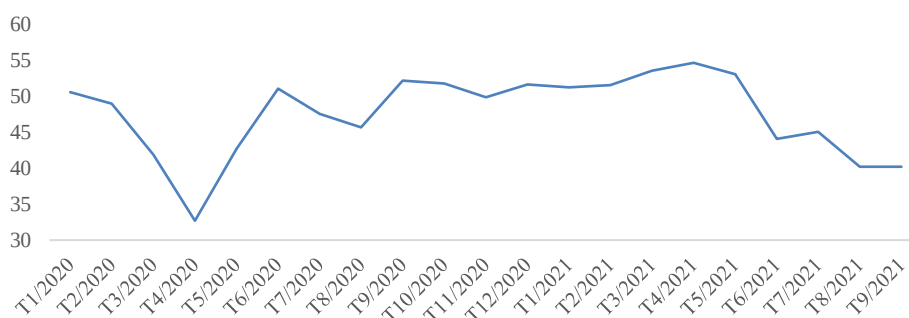
Điều kiện sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế

Trước tác động nghiêm trọng của dịch bệnh, điều kiện sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo đã suy giảm liên tục, rơi về ngưỡng thu hẹp trong 3 tháng liên tiếp, chỉ số PMI đi ngang trong tháng 9 và tháng 8, giảm gần 5 điểm so với tháng 7, hiện đạt 40,2 điểm. Diễn biến của các chỉ số thành phần vào tháng cuối quý III như sau:

tao rơi về
ngưỡng thu
hẹp

- + Sản lượng giảm liên tục trong 4 tháng, đồng thời đã ghi nhận mức giảm đáng kể do bị ảnh hưởng mạnh bởi tình trạng đóng cửa doanh nghiệp tạm thời, thiếu hụt lao động và những khó khăn trong khâu vận chuyển;
- + Số lượng đơn đặt hàng mới cũng giảm mạnh với mức giảm lớn nhất kể từ tháng 4/2020. Số lượng đơn đặt hàng mới trong nước và quốc tế đều giảm mạnh;
- + Việc làm đã giảm ở mức mạnh nhất trong 10 năm tiến hành khảo sát do các hoạt động sản xuất tạm thời bị gián đoạn hoặc do thiếu nhu cầu;
- + Thời gian giao hàng tiếp tục đạt kỷ lục mới và bị kéo dài tháng thứ ba liên tiếp. Bên cạnh đó, lượng công việc tồn đọng cũng tăng cao;
- + Lượng hàng mua tồn kho tăng và tồn kho thành phẩm giảm;
- + Giá cả đầu vào tiếp tục tăng mạnh do những áp lực từ chuỗi cung ứng nguyên vật liệu và chi phí vận tải tăng. Tuy nhiên, giá cả đầu ra lại tăng ở mức thấp do nhu cầu yếu.

Diễn biến chỉ số PMI



Nguồn: Nikkei

Tổng mức
bán lẻ hàng
hóa và
doanh thu
dịch vụ tiêu
dùng ghi
nhận xu
hướng giảm
trên tất cả
các
phần

Trong quý III/2021, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước tính đạt 915,7 nghìn tỷ đồng, giảm 28,3% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: doanh thu bán lẻ hàng hóa đạt 801,7 nghìn tỷ đồng, giảm 20,4% so với cùng kỳ; doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống đạt 57 nghìn tỷ đồng, giảm 55,7%; doanh thu du lịch lữ hành đạt 0,2 nghìn tỷ đồng, giảm 94%; doanh thu dịch vụ khác đạt 56,8 nghìn tỷ đồng, giảm 58,7%.

Tính chung 9 tháng năm 2021, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt 3.367,7 nghìn tỷ đồng, giảm 7,1% so với cùng kỳ năm trước, nếu loại trừ yếu tố giá giảm 8,7% (cùng kỳ năm 2020 giảm 5,1%), cụ thể như sau:

+ Doanh thu bán lẻ hàng hóa 9 tháng năm 2021 đạt 2.779,7 nghìn tỷ đồng, chiếm 82,54% tổng mức và giảm 3,4% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, ngành hàng lương thực, thực phẩm tăng 5%; phương tiện đi lại giảm 6,4%; may mặc giảm 9,6%; đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình giảm 10%; vật phẩm văn hóa, giáo dục giảm 10,5%.

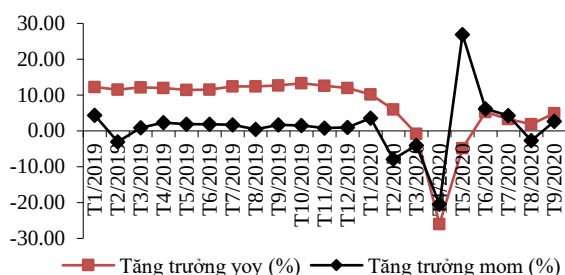
+ Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống 9 tháng năm 2021 ước tính đạt 279,4 nghìn tỷ đồng, chiếm 8,3% tổng mức và giảm 22,1% so với cùng kỳ năm trước.

+ Doanh thu du lịch lữ hành 9 tháng năm 2021 ước tính đạt 4,6 nghìn tỷ đồng, chiếm 0,14% tổng mức và giảm 64% so với cùng kỳ năm trước.

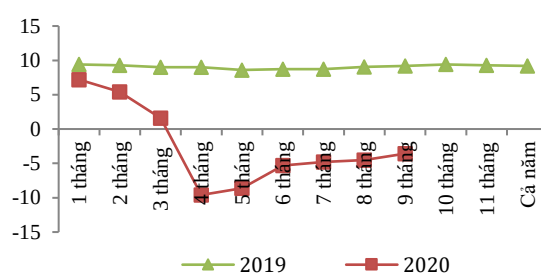
+ Doanh thu dịch vụ khác 9 tháng năm 2021 ước tính đạt 304 nghìn tỷ đồng, chiếm

9,03% tổng mức và giảm 17,4% so với cùng kỳ năm trước.

Tăng trưởng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu DV TD so với tháng trước và cùng kỳ (%)



Tăng trưởng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đã loại trừ yếu tố giá (% yoy)



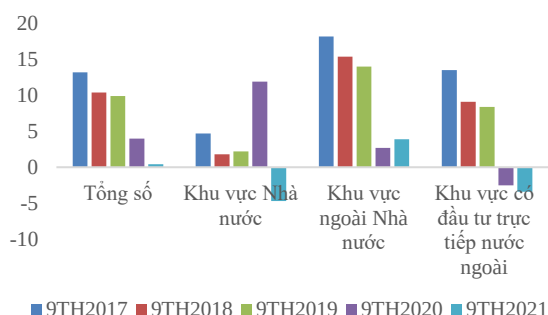
Nguồn: TCTK

Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội đã giảm

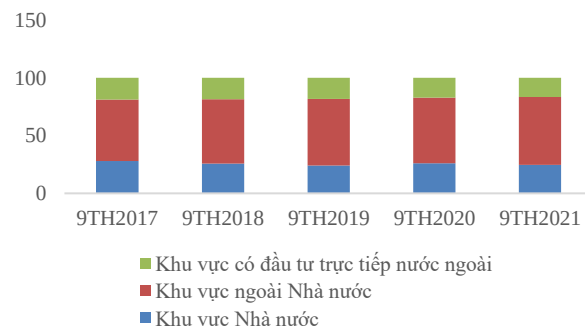
Trong quý III, vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội theo giá hiện hành ước tính đạt 697,2 nghìn tỷ đồng, giảm 9,5% so với cùng kỳ năm trước, diễn biến giảm đã xuất hiện trên cả 03 cấu phần, cụ thể vốn khu vực Nhà nước giảm 20,6%; khu vực ngoài Nhà nước giảm 1,4%; khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài giảm 20,7%.

Trong 9 tháng năm 2021, vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội theo giá hiện hành ước tính đạt 1.868,5 nghìn tỷ đồng chỉ tăng 0,4% so với cùng kỳ năm trước, chỉ ghi nhận diễn biến tích cực của cấu phần vốn ngoài nhà nước, cụ thể vốn khu vực Nhà nước đạt 459,9 nghìn tỷ đồng, chiếm 24,6% tổng vốn và giảm 4,7% so với cùng kỳ năm trước; khu vực ngoài Nhà nước đạt 1.100,5 nghìn tỷ đồng, bằng 58,9% và tăng 3,9%; khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đạt 308,1 nghìn tỷ đồng, bằng 16,5% và giảm 3,4%.

Tốc độ tăng trưởng vốn đầu tư của các khu vực kinh tế 9 tháng giai đoạn 2017 – 2021 (% yoy)



Tỷ trọng đóng góp vào vốn đầu tư toàn xã hội phân theo khu vực 9 tháng giai đoạn 2017 – 2021



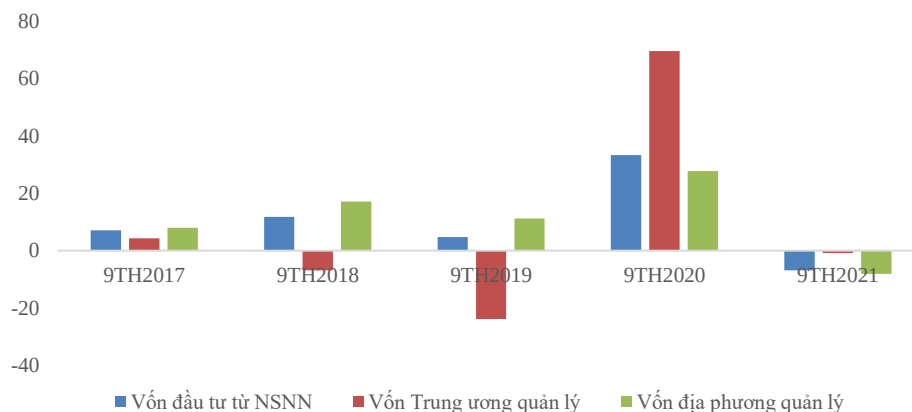
Nguồn: TCTK

Vốn đầu tư từ nguồn ngân sách Nhà nước 9 tháng đã giảm so với cùng kỳ

Vốn đầu tư từ ngân sách Nhà nước thực hiện 9 tháng năm 2021 ước tính đạt 276,3 nghìn tỷ đồng, bằng 57,3% kế hoạch năm và giảm 6,9% so với cùng kỳ năm trước². Trong đó, vốn Trung ương quản lý đạt 48,5 nghìn tỷ đồng, bằng 57,7% kế hoạch năm và giảm 0,8% so với cùng kỳ năm trước; vốn địa phương quản lý đạt 227,8 nghìn tỷ đồng, bằng 57,2% và giảm 8,1%, cụ thể vốn ngân sách Nhà nước cấp tỉnh đạt 153,4 nghìn tỷ đồng, bằng 55,1% và giảm 7%; vốn ngân sách Nhà nước cấp huyện đạt 62,5 nghìn tỷ đồng, bằng 60,6% và giảm 10,2%; vốn ngân sách Nhà nước cấp xã đạt 11,9 nghìn tỷ đồng, bằng 72,7% và giảm 10,2%.

² Vốn đầu tư từ ngân sách Nhà nước thực hiện 9 tháng năm 2020 bằng 58% và tăng 30,6%

Tăng trưởng các cấu phần vốn đầu tư từ NSNN qua 9 tháng so với cùng kỳ giai đoạn 2017 – 2021 (%)



Nguồn: TCTK

Vốn đầu tư nước ngoài (cấp mới, điều chỉnh) đã tăng trở lại, vốn góp mua cổ phần tiếp tục giảm

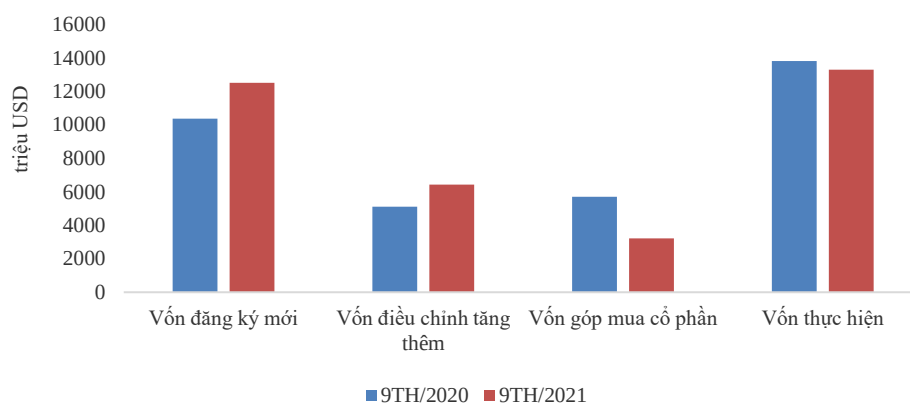
Tổng vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam tính đến ngày 20/9/2021 bao gồm vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt 22,15 tỷ USD, tăng 4,4% so với cùng kỳ năm trước, cụ thể:

+ Vốn đăng ký cấp mới có 1.212 dự án được cấp phép với số vốn đăng ký đạt 12,5 tỷ USD, giảm 37,8% về số dự án và tăng 20,6% về số vốn đăng ký so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo được cấp phép mới đầu tư trực tiếp nước ngoài lớn nhất với số vốn đăng ký đạt 5,47 tỷ USD, chiếm 43,8% tổng vốn đăng ký cấp mới;

+ Vốn đăng ký điều chỉnh có 678 lượt dự án đã cấp phép từ các năm trước đăng ký điều chỉnh vốn đầu tư tăng thêm 6,43 tỷ USD, tăng 25,6% so với cùng kỳ năm trước.

+ Vốn đăng ký góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài có 2.830 lượt với tổng giá trị góp vốn 3,22 tỷ USD, giảm 43,8% so cùng kỳ năm trước. Trong đó, vốn đầu tư vào ngành công nghiệp chế biến, chế tạo đạt 805,5 triệu USD, chiếm 25% giá trị góp vốn; hoạt động kinh doanh bất động sản đạt gần 729 triệu USD, chiếm 22,6%; lĩnh vực bán buôn và bán lẻ, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác 398,6 triệu USD, chiếm 12,4%; các ngành còn lại 1,29 tỷ USD, chiếm 40%.

Thống kê vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam 9 tháng 2020 và 9 tháng 2021



Nguồn: TCTK

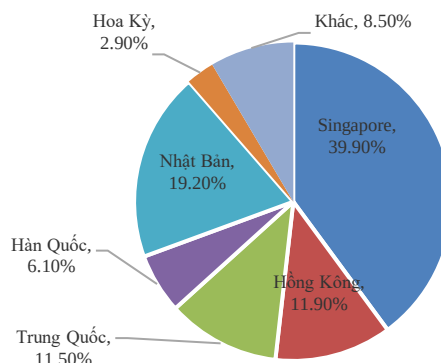
Trong số 62 quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án đầu tư được cấp phép mới tại Việt Nam trong 9 tháng, Singapore vẫn là nhà đầu tư lớn nhất với 4,98 tỷ USD, chiếm

39,9% tổng vốn đăng ký cấp mới; tiếp đến là Nhật Bản 2,4 tỷ USD, chiếm 19,2%; Hồng Kông là 1,49 tỷ USD, chiếm 11,9%; Trung Quốc với 1,44 tỷ USD, chiếm 11,5%; Hàn Quốc ở mức 767,7 triệu USD, chiếm 6,1% và Hoa Kỳ là 365,1 triệu USD, chiếm 2,9%.

Cơ cấu thu hút FDI theo ngành



Cơ cấu thu hút FDI theo lãnh thổ



Nguồn: TCTK

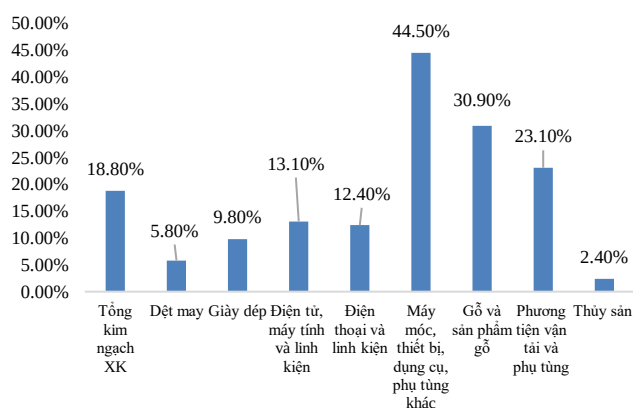
Hoạt động xuất khẩu hàng hoá tăng so với cùng kỳ

Trong quý III/2021, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước tính đạt 83,89 tỷ USD, tăng 5,2% so với cùng kỳ năm trước và tăng so với 2 quý trước³. Tính chung trong 9 tháng năm 2021, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước tính đạt 240,52 tỷ USD, tăng 18,8% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 62,72 tỷ USD, tăng 8,5%, chiếm 26,1% tổng kim ngạch xuất khẩu; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 177,8 tỷ USD, tăng 22,8%, chiếm 73,9%.

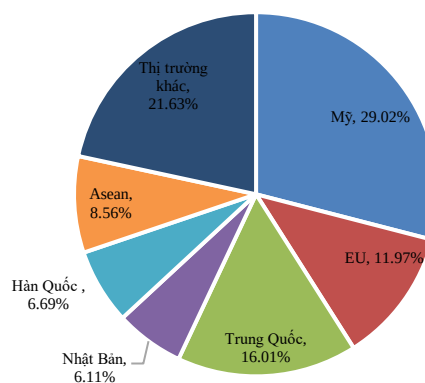
Trong 9 tháng có 31 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD, chiếm 92,5% tổng kim ngạch xuất khẩu; 6 mặt hàng xuất khẩu trên 10 tỷ USD, chiếm 63,2%.

Về thị trường xuất khẩu hàng hóa 9 tháng năm 2021, Hoa Kỳ vẫn tiếp tục là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch đạt 69,8 tỷ USD, tăng 27,6% so với cùng kỳ năm trước. Tiếp đến là Trung Quốc đạt 38,5 tỷ USD, tăng 18,3%; thị trường EU đạt 28,8 tỷ USD, tăng 11,6%; thị trường ASEAN đạt 20,6 tỷ USD, tăng 21,2%; Hàn Quốc đạt 16,1 tỷ USD, tăng 11,4%; Nhật Bản đạt 14,7 tỷ USD, tăng 5,1%.

Tốc độ tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu so với cùng kỳ của một số mặt hàng chủ lực



Cơ cấu xuất khẩu phân theo một số thị trường chủ chốt



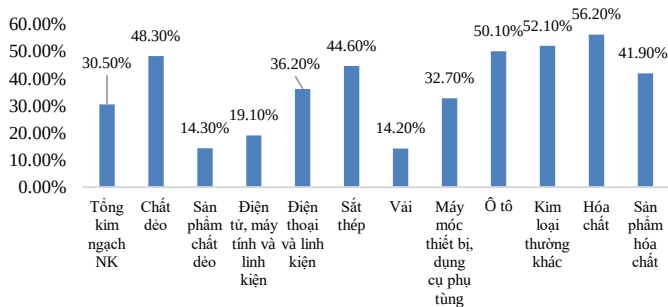
Nguồn: TCTK

³ tăng 7,2% so với quý II và tăng 7% so với quý I

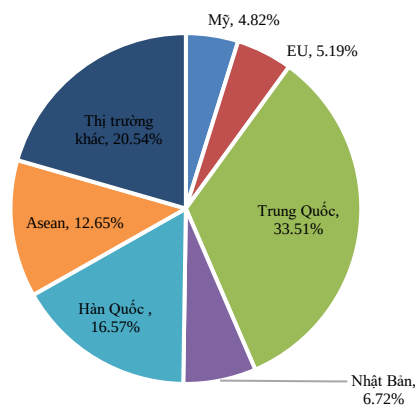
Trong quý III/2021, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa ước tính đạt 84,55 tỷ USD, tăng 22,6% so với cùng kỳ năm trước và tăng so với các quý trước⁴. Tính chung trong 9 tháng năm 2021, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa ước tính đạt 242,65 tỷ USD, tăng 30,5% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 83,72 tỷ USD, tăng 25%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 158,93 tỷ USD, tăng 33,6%. Trong 9 tháng có 36 mặt hàng nhập khẩu đạt trị giá trên 1 tỷ USD, chiếm tỷ trọng 90,4% tổng kim ngạch nhập khẩu.

Về thị trường nhập khẩu hàng hóa 9 tháng năm 2021, Trung Quốc là thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch đạt 81,3 tỷ USD, tăng 41,1% so với cùng kỳ năm trước. Tiếp theo là thị trường Hàn Quốc đạt 40,2 tỷ USD, tăng 21,6%; thị trường ASEAN đạt 30,7 tỷ USD, tăng 41,2%; Nhật Bản đạt 16,3 tỷ USD, tăng 11,6%; thị trường EU đạt 12,6 tỷ USD, tăng 19%; Hoa Kỳ đạt 11,7 tỷ USD, tăng 12,7%.

Tốc độ tăng trưởng kim ngạch nhập khẩu so với cùng kỳ của một số mặt hàng chủ lực



Cơ cấu nhập khẩu phân theo một số thị trường chủ chốt

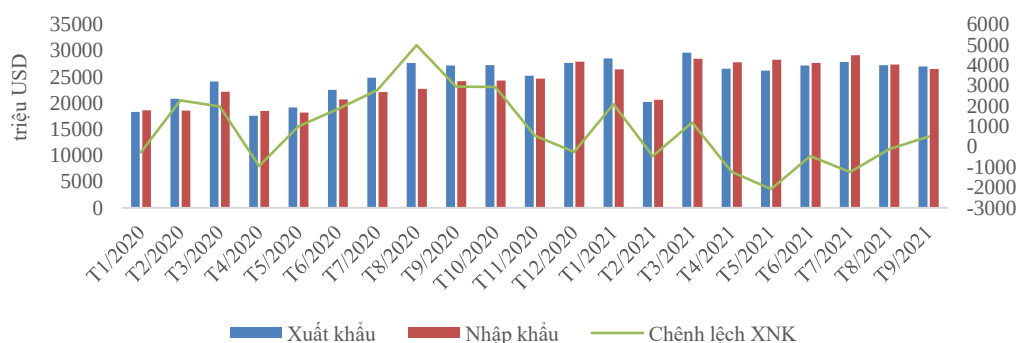


Nguồn: TCTK

Cán cân thương mại nhập khẩu trong 9 tháng

Cán cân thương mại hàng hóa trong 9 tháng năm 2021 ước tính nhập siêu 2,13 tỷ USD⁵ (cùng kỳ năm trước xuất siêu 16,66 tỷ USD), trong đó khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 21 tỷ USD; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) xuất siêu 18,87 tỷ USD.

Diễn biến XK, NK và cán cân thương mại theo tháng (2020 – 2021)



Nguồn: TCTK

⁴ tăng 2,5% so với quý II và tăng 11,8% so với quý I

⁵ Trong đó, 9 tháng năm 2021 xuất siêu sang EU đạt 16,2 tỷ USD, tăng 6,5% so với cùng kỳ năm trước; nhập siêu từ Trung Quốc 42,8 tỷ USD, tăng 70,6%; nhập siêu từ Hàn Quốc 24,1 tỷ USD, tăng 29,6%; nhập siêu từ ASEAN 10,1 tỷ USD, tăng 112,3%.

Hoạt động xuất khẩu dịch vụ giảm mạnh so với cùng kỳ năm trước

Trong quý III/2021, kim ngạch xuất khẩu dịch vụ đạt 872 triệu USD, giảm 10,8% so với cùng kỳ năm trước⁶. Kim ngạch nhập khẩu dịch vụ đạt 4,8 tỷ USD, tăng 6,9%⁷.

Trong 9 tháng năm 2021, kim ngạch xuất khẩu dịch vụ ước tính đạt 2,66 tỷ USD, giảm 59,6% so với cùng kỳ năm trước, trong đó dịch vụ du lịch đạt 107 triệu USD (chiếm 4% tổng kim ngạch), giảm 96,6%; dịch vụ vận tải đạt 266 triệu USD (chiếm 10%), giảm 72,1%.

Bên cạnh đó, kim ngạch nhập khẩu dịch vụ ước tính đạt 14,35 tỷ USD, tăng 7,2% so với cùng kỳ năm trước, trong đó dịch vụ vận tải đạt 7,4 tỷ USD (chiếm 51,2% tổng kim ngạch), tăng 32,9%; dịch vụ du lịch đạt 2,7 tỷ USD (chiếm 18,7%), giảm 24,1%. Nhập siêu dịch vụ trong 9 tháng năm 2021 là 11,69 tỷ USD (trong đó chi phí vận tải và bảo hiểm được tách từ nhập khẩu hàng hóa là 6,05 tỷ USD).

Một số VBPL chính sách quan trọng liên quan đến điều tiết tăng trưởng kinh tế được ban hành trong tháng 9 năm 2021

Nghị quyết số 105/NQ-CP ngày 9/9/2021 về hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trong bối cảnh dịch Covid-19

Theo đó, để hỗ trợ cắt giảm chi phí, tháo gỡ khó khăn về tài chính, dòng tiền cho doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh, Chính phủ giao Bộ LĐTB&XH:

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan khẩn trương trình cấp có thẩm quyền và Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc: Ban hành chính sách liên quan đến giảm mức đóng hoặc hỗ trợ từ kết dư quỹ BHXH ngắn hạn nhằm kịp thời hỗ trợ cho NLĐ, doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh và các đối tượng sử dụng lao động khác, hoàn thành trong tháng 9/2021.

- Chỉ đạo, hướng dẫn BHXH Việt Nam nghiên cứu, đề xuất miễn tiền phạt chậm nộp BHXH phát sinh trong năm 2020 và năm 2021 theo quy định, hoàn thành trong tháng 9/2021.

Bên cạnh đó, Chính phủ giao Bộ Tài chính thực hiện một số nhiệm vụ sau:

- Khẩn trương triển khai các chính sách về giãn, giảm thuế, phí, lệ phí và tiền thuê đất sau khi được cấp có thẩm quyền ban hành;

- Triển khai chính sách thuế ưu đãi đối với hàng hóa nhập khẩu để tài trợ phục vụ phòng, chống dịch COVID-19 sau khi được Chính phủ thông qua;

- Xem xét, nghiên cứu tiếp tục gia hạn thời hạn nộp thuế tiêu thụ đặc biệt đối với ô tô sản xuất, lắp ráp trong nước đến hết năm 2021;...

2. Lạm phát

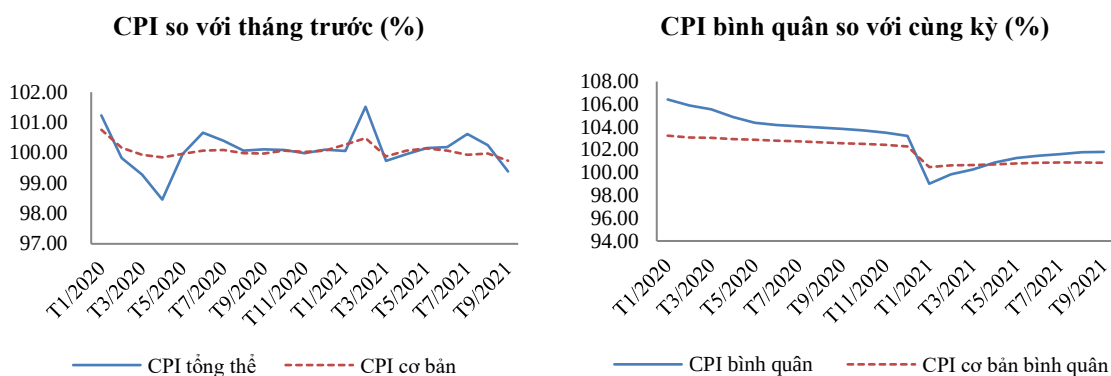
Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân 9 tháng tăng 1,82% so với bình quân cùng kỳ năm trước - mức tăng thấp nhất kể từ năm 2016⁸. Trong đó, CPI của tháng 9 giảm 0,62% so với tháng trước và CPI quý III/2021 tăng 2,51% so với cùng kỳ năm 2020.

Lạm phát cơ bản tháng 9/2021 giảm 0,26% so với tháng trước và tăng 0,74% so với cùng kỳ năm trước. Lạm phát cơ bản bình quân 9 tháng năm 2021 tăng 0,88% so với bình quân cùng kỳ năm trước.

⁶ quý II giảm 16,9%; quý I giảm 80,6%

⁷ quý II tăng 20,3%; quý I giảm 3,4%

⁸ CPI bình quân 9 tháng năm 2016 – 2021 tăng lần lượt là 2,07%; 3,79%; 3,57%; 2,5%; 3,85%



Nguồn: TCTK

Trong 9 tháng năm 2021, có 9/11 nhóm hàng hóa, dịch vụ có CPI bình quân tăng và có 02 nhóm có CPI bình quân giảm đi so với cùng kỳ năm trước. Cụ thể:

- CPI bình quân nhóm giao thông tăng cao nhất, tăng 8,24% so với cùng kỳ năm trước do giá xăng dầu trong nước tăng 24,8% so với cùng kỳ năm trước (làm CPI chung tăng 0,89 điểm phần trăm), giá gas tăng 21,7% (làm CPI chung tăng 0,32 điểm phần trăm).
- CPI bình quân nhóm giáo dục tăng 3,49% so với cùng kỳ năm trước, trong đó giá dịch vụ giáo dục tăng 3,76% so với cùng kỳ năm trước (làm CPI chung tăng 0,2 điểm phần trăm) do ảnh hưởng từ đợt tăng học phí năm học mới 2020-2021 theo lộ trình của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ.
- CPI bình quân nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng tăng 1,94% so với cùng kỳ năm trước do giá vật liệu bảo dưỡng nhà ở tăng 6,3% so với cùng kỳ năm trước do giá xi măng, sắt, thép, cát tăng theo giá nguyên nhiên vật liệu đầu vào (làm CPI chung tăng 0,13 điểm phần trăm).
- CPI bình quân một số nhóm hàng khác như hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 0,9%; đồ uống và thuốc lá tăng 1,68%; may mặc, mũ nón và giày dép tăng 0,85%; thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,56%; thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,2%; hàng hóa và dịch vụ khác tăng 1,55%.

Bên cạnh đó, trong 9 tháng, CPI bình quân của 02 nhóm hàng giảm, cụ thể: CPI bình quân nhóm văn hóa, giải trí và du lịch giảm mạnh nhất với mức giảm là 1,1% so với cùng kỳ năm trước⁹; CPI bình quân nhóm bưu chính viễn thông giảm 0,74% so với cùng kỳ năm trước.

Một số VBPL chính sách quan trọng về điều tiết giá cả được ban hành trong tháng 9 năm 2021

Công văn số 5522/BCT-TTTN ngày 10/9/2021 của Bộ Công Thương về việc điều hành kinh doanh xăng dầu

Điều chỉnh giá xăng dầu: Xăng E5 RON 92: tăng 252 đồng/lít; Xăng RON 95-III: tăng 266 đồng/lít; Dầu diesel 0.05S: tăng 355 đồng/lít; Dầu hỏa: tăng 320 đồng/lít; Dầu mazut 180CST 3.5S: tăng 897 đồng/kg.

Công văn số 5909/BCT-TTTN ngày 25/9/2021 của Bộ Công Thương về việc điều hành kinh doanh xăng dầu

⁹ nhu cầu đi lại, du lịch của người dân giảm do ảnh hưởng của dịch Covid-19 làm giá vé máy bay giảm 20,91% so với cùng kỳ năm trước; giá du lịch trọn gói giảm 2,69%

Điều chỉnh giá xăng dầu: Xăng E5 RON 92: tăng 573 đồng/lít; Xăng RON 95-III: tăng 548 đồng/lít; Dầu diesel 0.05S: tăng 564 đồng/lít; Dầu hỏa: tăng 561 đồng/lít; Dầu mazut 180CST 3.5S: tăng 628 đồng/kg.

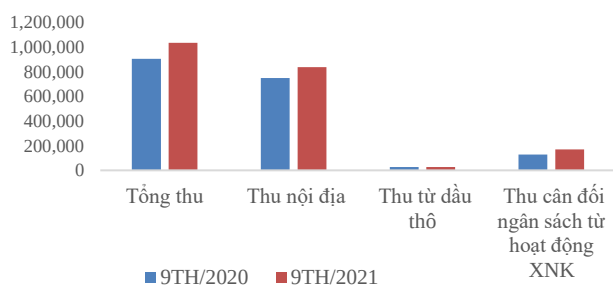
3. Thu chi ngân sách Nhà nước

Tổng thu ngân sách Nhà nước từ đầu năm đến thời điểm 15/9/2021 ước tính đạt 1.034,2 nghìn tỷ đồng, bằng 77% dự toán năm, trong đó thu nội địa đạt 836,2 nghìn tỷ đồng, bằng 73,8%; thu từ dầu thô 27,4 nghìn tỷ đồng, bằng 118%; thu cân đối ngân sách từ hoạt động xuất, nhập khẩu 170 nghìn tỷ đồng, bằng 95,3%.

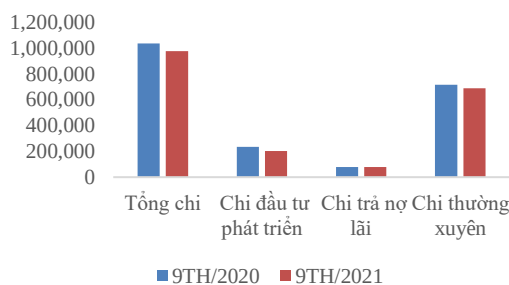
Trong thu nội địa, thu từ khu vực doanh nghiệp Nhà nước đạt 105,6 nghìn tỷ đồng, bằng 71,2%; thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (không kể dầu thô) 143,8 nghìn tỷ đồng, bằng 72,2%; thu thuế công, thương nghiệp và dịch vụ ngoài Nhà nước 176,3 nghìn tỷ đồng, bằng 74,2%; thu thuế thu nhập cá nhân 92,2 nghìn tỷ đồng, bằng 85,6%; thu thuế bảo vệ môi trường 41 nghìn tỷ đồng, bằng 63,7%; thu tiền sử dụng đất 103,6 nghìn tỷ đồng, bằng 93%.

Tổng chi ngân sách Nhà nước từ đầu năm đến thời điểm 15/9/2021 ước tính đạt 975,6 nghìn tỷ đồng, bằng 57,8% dự toán năm, trong đó chi thường xuyên đạt 689,3 nghìn tỷ đồng, bằng 66,5%; chi đầu tư phát triển 202,2 nghìn tỷ đồng, bằng 42,4%; chi trả nợ lãi 77,7 nghìn tỷ đồng, bằng 70,6%.

Thu NSNN 9 tháng 2020 và 9 tháng 2021 (tỷ đồng)



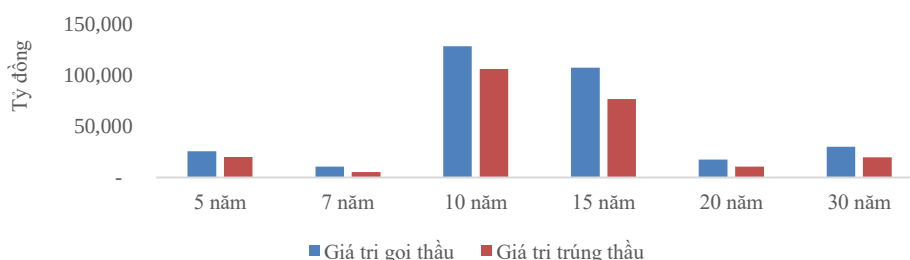
Chi NSNN 9 tháng 2020 và 9 tháng 2021 (tỷ đồng)



Nguồn: TCTK

Kết thúc 9 tháng năm 2021, Kho bạc Nhà nước huy động thành công 237.714 tỷ đồng trái phiếu Chính phủ qua đấu thầu với tổng giá trị gọi thầu là 319.000 tỷ đồng, đạt tỷ lệ gần 75%, hoàn thành gần 68% kế hoạch cả năm 2021. Trong đó, khối lượng trúng thầu trái phiếu Chính phủ trong quý III/2021 là 96.221 tỷ đồng – hoàn thành hơn 80% kế hoạch đặt ra. Trong 9 tháng, tỷ lệ TPCP gọi thầu và trúng thầu ở mức cao tập trung ở kỳ hạn 10 năm và 15 năm.

Giá trị trúng thầu và gọi thầu qua các kỳ hạn trong 9 tháng năm 2021



Nguồn: hnx.vn

Kết thúc tháng 9, lãi suất trái phiếu Chính phủ giảm so với cùng kỳ năm trước giao động trong khoảng 0,52 – 0,86 điểm phần trăm. Hiện lãi suất trúng thầu của trái phiếu kỳ hạn 5 năm là 0,82%/năm, 7 năm là 1,17%/năm; 10 năm nằm trong khoảng 2,04% - 2,12%/năm, 15 năm nằm trong khoảng 2,28% - 2,35%/năm; 20 năm nằm trong khoảng 2,8% - 2,82%/năm và 30 năm nằm là 2,98%/năm.

Một số VBPL chính sách quan trọng về ngân sách được ban hành trong tháng 9 năm 2021

Nghị quyết số 103/NQ-CP ngày 9/9/2021 về phương án sử dụng nguồn kinh phí cắt giảm, tiết kiệm chi của ngân sách trung ương năm 2021

Theo đó, Chính phủ thông qua phương án sử dụng nguồn kinh phí cắt giảm, tiết kiệm chi của ngân sách Trung ương để bổ sung nguồn dự phòng ngân sách Trung ương năm 2021, tập trung chi cho phòng, chống dịch Covid-19 như đề nghị của Bộ Tài chính tại văn bản số 161/TTr-BTC.

Bên cạnh đó, Bộ trưởng Bộ Tài chính thay mặt Chính phủ báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho phép bổ sung 14.620 tỷ đồng số kinh phí cắt giảm, chi ngân sách Trung ương năm 2021 vào nguồn dự phòng ngân sách Trung ương năm 2021 để tập trung chi cho công tác phòng, chống dịch Covid-19.

Quyết định số 1695/QĐ-BTC ngày 8/9/2021 về việc điều chỉnh dự toán chi ngân sách Nhà nước năm 2021

Theo đó, Bộ Tài chính quyết định điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2021 của Cục Kế hoạch - Tài chính và Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại thuộc Bộ Tài chính, như sau: Thứ nhất, đối với Cục Kế hoạch - Tài chính: giảm 7.360.248 đồng chi quản lý hành chính tại mục kinh phí không thực hiện tự chủ; bổ sung 483.790, 126 đồng chi phí thực hiện Đề án áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính tại Việt Nam và giảm 7.844.038, 126 đồng các khoản chi khác. Thứ hai, đối với Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại: bổ sung 7.360.248 đồng chi thanh toán phí năm 2020, 2021 cho các tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc gia tại mục kinh phí không thực hiện tự chủ của quản lý hành chính.

Quyết định số 1639/QĐ-TTg ngày 29/9/2021 về việc bổ sung kinh phí mua và tiếp nhận 20 triệu liều vắc xin phòng Covid-19 Vero Cell của Tập đoàn Sinopharm, Trung Quốc

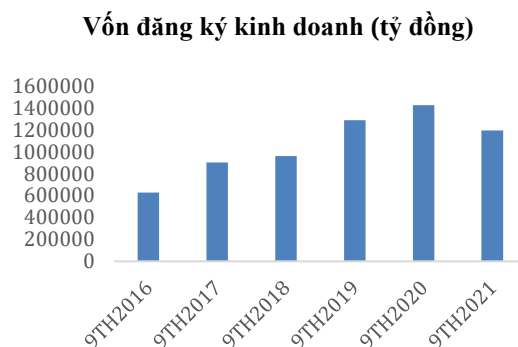
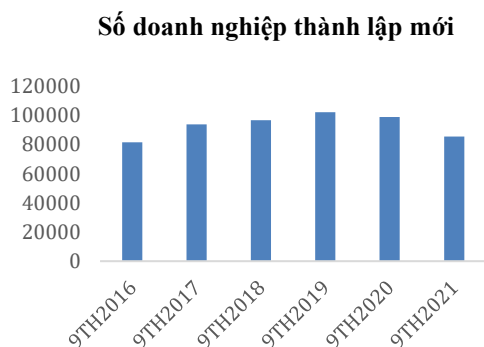
Cụ thể, Chính phủ bổ sung 3.231,698 tỷ đồng cho Bộ Y tế để mua và tiếp nhận 20 triệu liều vắc xin phòng Covid-19 Vero Cell của Tập đoàn Sinopharm, Trung Quốc, trong đó: sử dụng 1.237 tỷ đồng từ nguồn kinh phí chi sự nghiệp y tế còn lại năm 2020 của Bộ Y tế đã được Quốc hội đồng ý cho chuyển nguồn để mua vắc xin phòng COVID-19 và quyết toán và chi ngân sách Nhà nước năm 2020; 1.994,698 tỷ đồng sử dụng từ Quỹ vắc xin phòng Covid-19 Việt Nam.

4. Tình hình doanh nghiệp

Tình hình doanh nghiệp gia nhập thị trường đã giảm cả về số lượng và vốn đăng ký

Trong 9 tháng năm 2021, cả nước có 85.481 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với tổng vốn đăng ký là 1.195,8 nghìn tỷ đồng, giảm 13,6% về số doanh nghiệp, giảm 16,3% về vốn đăng ký so với cùng kỳ năm trước, vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp thành lập mới đạt 14 tỷ đồng, giảm 3,1% so với cùng kỳ năm trước. Tính riêng trong tháng 9 đã có 3.899 doanh nghiệp thành lập mới với số vốn đăng ký là 62,4 nghìn tỷ đồng. Bên cạnh đó, trong 9 tháng năm 2021 đã có 32.347 doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, giảm 6,6% so với cùng kỳ năm trước.

Trong 9 tháng năm 2021, theo khu vực kinh tế có 1.465 doanh nghiệp thành lập mới thuộc khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản, giảm 24,8% so với cùng kỳ năm trước; 23.104 doanh nghiệp thuộc khu vực công nghiệp và xây dựng, giảm 22,2%; 60.912 doanh nghiệp thuộc khu vực dịch vụ, giảm 9,5%.



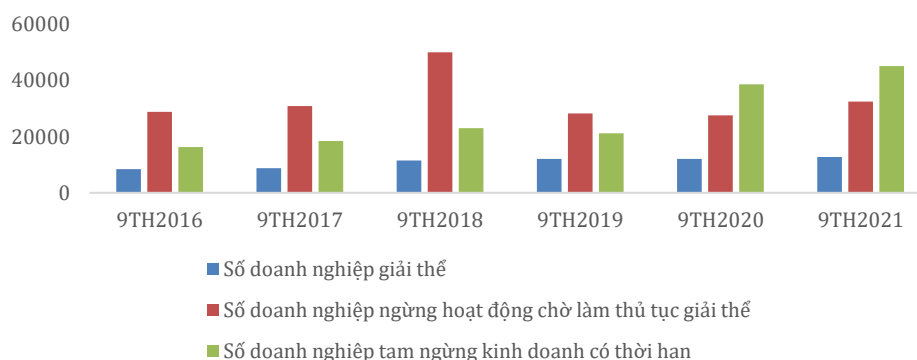
Nguồn: TCTK

Số doanh nghiệp rút khỏi thị trường đã tăng

Trong 9 tháng năm 2021, có 45.091 doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn tăng 16,7%, 32.398 doanh nghiệp ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể tăng 17,4%, 12.802 doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể tăng 5,9%, trong đó có 11.400 doanh nghiệp có quy mô vốn dưới 10 tỷ đồng tăng 5,7%.

Các doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể tập trung nhiều nhất ở lĩnh vực bán buôn, bán lẻ, sửa chữa ô tô, xe máy là 4.703 doanh nghiệp; công nghiệp chế biến, chế tạo là 1.486 doanh nghiệp; xây dựng là 1.185 doanh nghiệp; còn lại các lĩnh vực khác dao động từ 97 – 756 doanh nghiệp.

Tình hình giải thể, ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể và tạm ngừng kinh doanh có thời hạn



Nguồn: TCTK

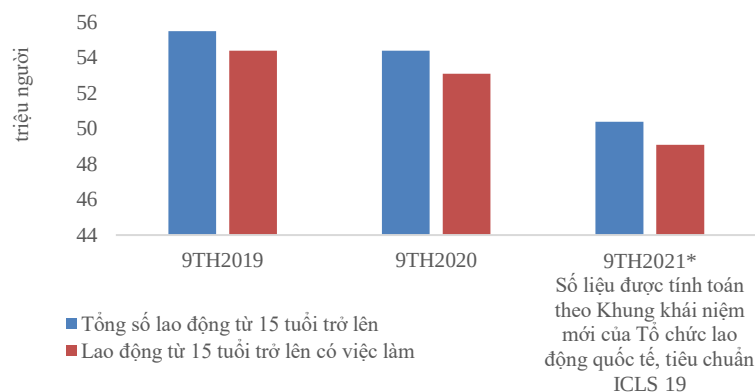
5. Tình hình lao động, việc làm

Tỷ lệ thất nghiệp ở mức cao nhất

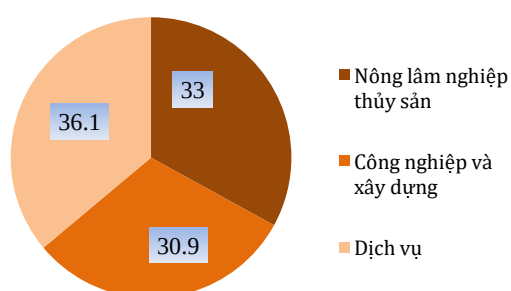
Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên của cả nước trong quý III ước tính là 49,2 triệu người, giảm 1,9 triệu người so với quý trước và giảm 2,1 triệu người so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 9 tháng năm 2021, lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên là 50,4 triệu người, giảm 0,2 triệu người so với cùng kỳ năm trước.

Bên cạnh đó, số lao động từ 15 tuổi trở lên có việc làm trong quý III/2020 ước tính là 47,5 triệu người; tính chung 9 tháng là 49,1 triệu người, bao gồm 14,1 triệu người đang làm việc ở khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản, tăng 2,6% so với cùng kỳ năm trước; khu vực công nghiệp và xây dựng là 16,2 triệu người, giảm 1,4%; khu vực dịch vụ là 18,8 triệu người, giảm 2,3%.

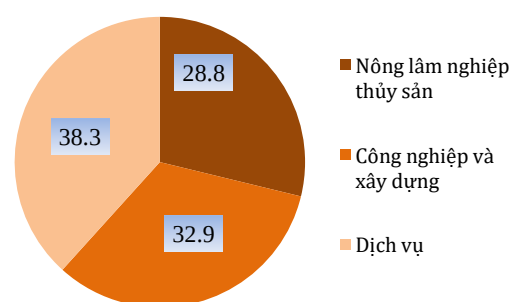
Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên



Tỷ trọng lao động trên 15 tuổi có việc làm phân theo khu vực 9 tháng năm 2020 (%)



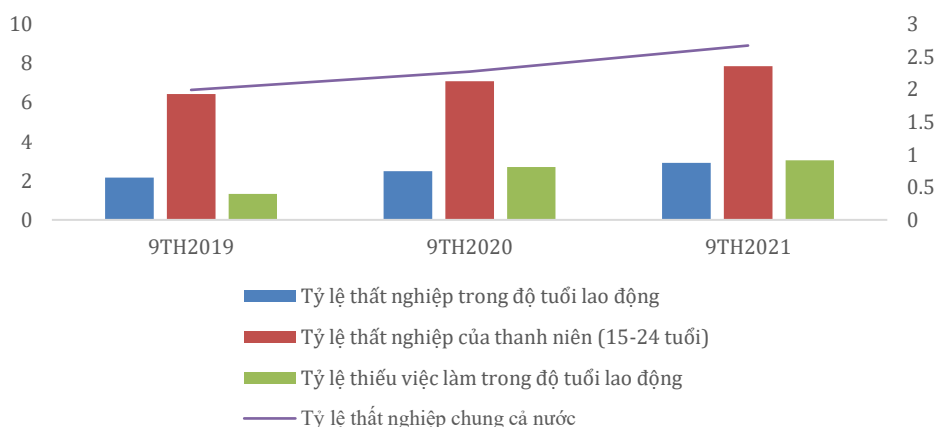
Tỷ trọng lao động trên 15 tuổi có việc làm phân theo khu vực 9 tháng năm 2021 (%)



Nguồn: TCTK

Do ảnh hưởng của dịch Covid-19, tỷ lệ thất nghiệp và thiếu việc làm trong độ tuổi lao động liên tục tăng qua các quý. Trong 9 tháng năm 2021, tỷ lệ thất nghiệp chung cả nước 9 tháng năm 2021 là 2,67%, trong đó khu vực thành thị là 3,58%; khu vực nông thôn là 2,15%. Tỷ lệ thất nghiệp của lao động trong độ tuổi là 2,91%, trong đó, khu vực thành thị là 3,78%; khu vực nông thôn là 2,39%; Tỷ lệ thất nghiệp của thanh niên ước tính là 7,85%, trong đó khu vực thành thị là 10,62% và khu vực nông thôn là 6,54%. Tỷ lệ thiếu việc làm của lao động trong độ tuổi là 3,04% (trong đó, khu vực thành thị là 3%; khu vực nông thôn là 3,07%).

Tỷ lệ thất nghiệp và thiếu việc làm trong độ tuổi lao động



Nguồn: TCTK

III. DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ, CHỨNG KHOÁN

Một số VBPL chính sách quan trọng điều tiết hoạt động trên thị trường tiền tệ, ngân hàng được ban hành trong tháng 9 năm 2021

Thông tư số 14/2021/TT-NHNN ngày 07/9/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-NHNN ngày 13 tháng 3 năm 2020 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19

Theo đó, việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ áp dụng đối với số dư gốc và/hoặc lãi của khoản nợ nếu đáp ứng đủ các điều kiện quy định. Cụ thể, một số điều kiện như: Phát sinh trước ngày 01/8/2021 từ hoạt động cho vay, cho thuê tài chính; Phát sinh nghĩa vụ trả nợ gốc và/hoặc lãi trong khoảng thời gian từ 23/01/2020 - 30/6/2022; Số dư nợ của khoản nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ khi thuộc trường hợp theo quy định.

Ngoài ra, các điều kiện khác cần đáp ứng như: Khách hàng được đánh giá là không có khả năng trả nợ đúng hạn nợ gốc và/hoặc lãi do ảnh hưởng bởi Covid-19; khách hàng có đề nghị cơ cấu lại thời hạn trả nợ và được đánh giá có khả năng trả nợ đầy đủ theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại...

Bên cạnh đó, không thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ với khoản nợ vi phạm quy định pháp luật. Thời gian cơ cấu lại thời hạn trả nợ phù hợp với mức độ ảnh hưởng của dịch Covid-19 và không vượt quá 12 tháng kể từ ngày thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ, hoặc kể từ ngày đến hạn của từng số dư nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ. Việc thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ cho khách hàng thực hiện đến ngày 30/6/2022.

Quyết định số 1473/QĐ-NHNN ngày 14/9/2021 về hoàn phí giao dịch của Ngân hàng Chính sách xã hội khi thực hiện giải ngân cho vay theo QĐ số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 Của TTCP quy định về thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 qua hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng

Quyết định số 1381/QĐ-NHNN ngày 01/9/2021 ban hành quy định về quản lý các hoạt động đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin trong hệ thống Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Quyết định số 1532/QĐ-NHNN ngày 30/9/2021 ban hành Chương trình hành động của ngành Ngân hàng thực hiện Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 20/5/2021 và Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 30/8/2021 của Chính phủ

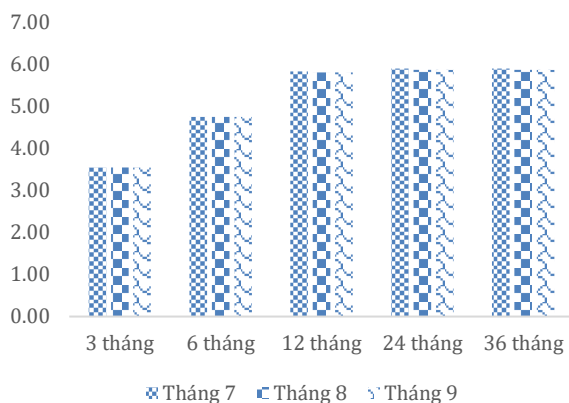
*Lãi suất
huy động
giảm trên
toàn hệ
thống*

Trong 03 tháng giao dịch, diễn biến lãi suất huy động trong nền kinh tế tiếp tục giảm trong toàn hệ thống. Cụ thể, lãi suất huy động đã giảm ở hầu hết các kỳ hạn, xu hướng giảm xuất hiện trong khối NHTM có vốn sở hữu của Nhà nước vào tháng 8, có diễn biến đi ngang trong tháng 7 và tháng 9. Trong quý, ngân hàng BIDV và ngân hàng Agribank đã điều chỉnh giảm 0,1 điểm phần trăm lãi suất huy động kỳ hạn huy động từ 12 – 36 tháng vào tháng 8, các ngân hàng còn lại duy trì mặt bằng lãi suất huy động ổn định của quý trước. Tính đến cuối quý, 04 NHTM có vốn sở hữu của Nhà nước lớn có lãi suất huy động kỳ hạn 3 – 6 tháng giao động từ 3,4 – 4%/năm; lãi suất huy động từ 12 tháng trở lên giao động từ 5,3 – 5,6%/năm. Và 03 NHTM TNHH MTV (Đại Dương, Dầu khí toàn cầu, Xây dựng) có mức lãi suất huy động tương tự với mặt bằng lãi suất của hệ thống NHTM CP, lãi suất huy động thấp nhất là 3,5%/năm và cao nhất là 6,7%/năm.

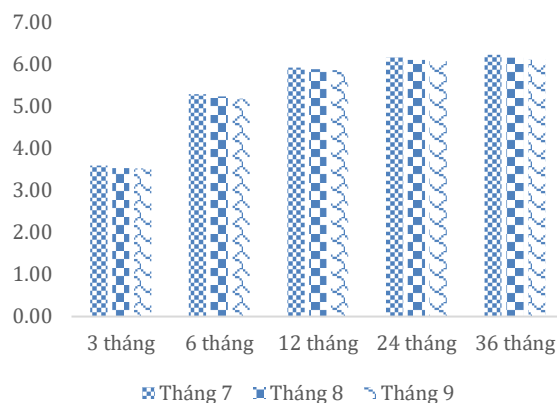
Bên cạnh đó, xu hướng giảm lãi suất huy động trong khối NHTM CP diễn ra khá tích cực, xuất hiện liên tục trong 3 tháng giao dịch ở tất cả các kỳ hạn. Trong số 28 NHTM CP khảo sát, mỗi tháng ghi nhận từ 8 – 10 ngân hàng điều chỉnh giảm lãi suất huy động, với mức giảm giao động từ 0,1 – 0,4 điểm phần trăm. Trong đó, có nhiều ngân hàng giảm lãi suất từ 2 – 3 lần trong quý như NHTM CP (Techcombank, Bru điện Liên Việt, Sacombank, Á Châu),... Ngoài ra, mỗi tháng

đều có 01 ngân hàng điều chỉnh tăng lãi suất từ 0,1 – 0,4 điểm phần trăm ở một số kỳ hạn, gồm có NHTM CP (Sài Gòn Hà Nội, Bảo Việt, Xăng dầu Petrolimex). Tính đến cuối tháng 9, lãi suất huy động kỳ hạn 3 tháng trong khối NHTM CP giao động từ 2,8 – 3,9%/năm; kỳ hạn huy động 6 tháng từ 3,8 – 6,1%/năm; kỳ hạn huy động từ 12 tháng trở lên giao động từ 4,6 – 6,9%/năm.

Diễn biến lãi suất huy động bình quân của Khối NHTM có vốn sở hữu của Nhà nước (%)



Diễn biến lãi suất huy động bình quân của Khối NHTM Cổ phần (%)



Nguồn: Tổng hợp

Diễn biến lãi suất cho vay đã giảm trong trong quý III năm 2021, cụ thể, trong tháng 7 có 16 ngân hàng thương mại đã thống nhất giảm lãi suất cho vay lên đến 1 điểm phần trăm/năm trong 5 tháng cuối năm 2021 đối với khách hàng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19. Hiện lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng VND đối với một số ngành lĩnh vực ưu tiên ở mức 4,5%/năm.

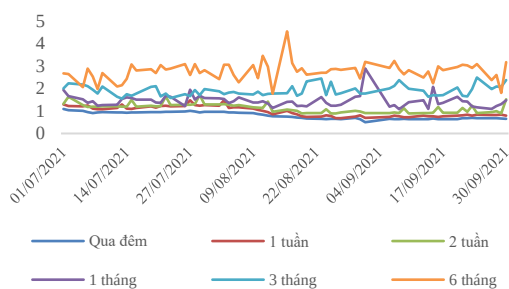
Bên cạnh đó, lãi suất cho vay USD phổ biến ở mức 3 – 6%/năm; trong đó lãi suất cho vay ngắn hạn phổ biến ở mức 3 – 4,5%/năm, lãi suất cho vay trung, dài hạn ở mức 4,2 – 6%/năm.

Lãi suất liên ngân hàng tăng, giảm đan xen giữa các kỳ hạn

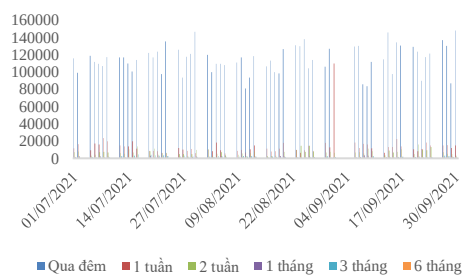
Trong quý III, lãi suất liên ngân hàng có diễn biến tăng, giảm đan xen giữa các kỳ hạn qua mỗi tháng giao dịch. Nhìn chung, diễn biến giảm xuất hiện chủ yếu ở kỳ hạn ngắn và diễn ra liên tục trong 2 tháng đầu quý với biên độ biến động trong khoảng từ 0,01 – 0,45 điểm phần trăm. Trong khi đó, diễn biến giảm ở kỳ hạn huy động từ 6 tháng trở lên chỉ xuất hiện vào tháng 8, giao động từ 0,37 – 0,94 điểm %. Mặc dù vậy, xu hướng giảm của lãi suất liên ngân hàng đã chấm dứt trong tháng giao dịch cuối của quý. Trong tháng 9, lãi suất liên ngân hàng chỉ giảm ở kỳ hạn giao dịch 1 tuần và 1 tháng, lần lượt là 0,01 và 0,19 điểm phần trăm và tăng ở tất cả các kỳ hạn còn lại, giao động 0,02 – 0,81 điểm phần trăm.

Tính đến cuối tháng 9, lãi suất liên ngân hàng đã giảm so với cuối quý trước ở các kỳ hạn giao dịch qua đêm, 01 tuần, 1 tháng với mức giảm 0,48 – 0,55 điểm phần trăm và tăng ở các kỳ hạn còn lại, tăng giao động từ 0,05 – 0,75 điểm phần trăm. Kết thúc quý, lãi suất huy động kỳ hạn ngắn (qua đêm, 1 tuần) đã thấp hơn 1%/năm, lần lượt là 0,65%/năm và 0,8%/năm, kỳ hạn từ 2 tuần – 3 tháng giao động trong khoảng 1,47% - 2,37%/năm; kỳ hạn từ 6 tháng trở lên là 3,17%/năm và 3,7%/năm.

Diễn biến lãi suất liên ngân hàng (%)



Doanh số giao dịch liên ngân hàng (tỷ đồng)



Nguồn: NHNN

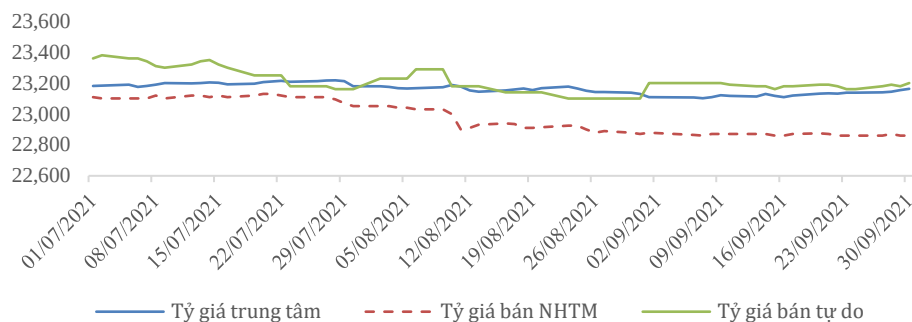
Tỷ giá giao dịch trên các thị trường có diễn biến giảm

Trong quý III, tỷ giá có diễn biến tích cực, tỷ giá giao dịch trên tất cả các thị trường đều đã giảm so với cuối quý trước. Theo đó, tỷ giá trung tâm đã giảm 0,07% sau 03 tháng, tỷ giá đã giảm vào tháng 8 và tăng trong tháng 7 và tháng 9. Biên độ điều chỉnh giao động phổ biến là 0,01 – 0,04%/ngày giao dịch. Có diễn biến tương tự, tỷ giá bán được niêm yết trên Sở giao dịch NHNN cũng đã giảm 0,07% và có mức biến động tăng qua các tháng tương đồng với biến động của tỷ giá trung tâm. Bên cạnh đó, tỷ giá mua niêm yết có 02 tháng đi ngang và được điều chỉnh giảm mạnh vào ngày 11/8, giảm 0,98% tương đương với 225 đồng. Kết thúc tháng 9, tỷ giá trung tâm giao dịch ở mức 23.162 USD/VND, tỷ giá tham khảo tại Sở giao dịch NHNN là 22.750 - 23.807 USD/VND (mua vào – bán ra).

Trong quý III, tỷ giá giao dịch tại các NHTM và trên thị trường tự do đã giảm so với cuối quý trước, ghi nhận diễn biến giảm trong 03 tháng liên tục. Tỷ giá mua vào của Vietcombank và Eximbank giảm lần lượt là 1,14% và 1,09% trong khi tỷ giá bán ra giảm 1,12% và 1,09%. Tỷ giá giao dịch của các NHTM khảo sát có biến động tăng, giảm/ngày giao dịch phổ biến trong khoảng 0,02 – 0,04%, biến động giảm mạnh nhất/ngày là 0,11 – 0,13%, đồng thời, tỷ giá mua – bán cũng có nhiều ngày giao dịch đi ngang.

Trên thị trường tự do, nhìn chung tỷ giá mua - bán có xu hướng diễn biến sát với tỷ giá giao dịch của các NHTM, ngoại trừ xu hướng tăng trong tháng 9. Tỷ giá giao dịch trên thị trường tự do theo số liệu khảo sát đã giảm mạnh trong 2 tháng đầu của quý với tổng mức giảm của chiều mua vào – bán ra khoảng 1,63% và 1,29%. Tuy nhiên, diễn biến tăng trở lại trong tháng 9 lần lượt ở mức 0,87% và 0,43% đã thu hẹp tổng mức giảm của tỷ giá giao dịch trên thị trường tự do trong quý III, ghi nhận tổng mức giảm là 0,77% và 0,86%. Tính đến cuối tháng 9, tỷ giá giao dịch tại Vietcombank là 22.660 – 22.860 USD/VND (mua vào – bán ra), tỷ giá giao dịch trên thị trường tự do vào thời điểm khảo sát là 23.150 – 23.200 USD/VND (mua vào – bán ra), tỷ giá bán trên thị trường tự do vào thời điểm khảo sát cao hơn tỷ giá bán của Vietcombank là 340 đồng.

Đồ thị Diễn biến tỷ giá USD/VND

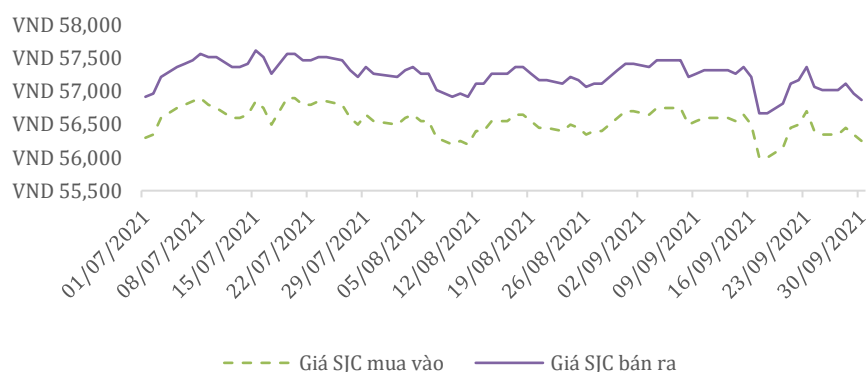


Nguồn: NHNN

Giá vàng trong nước biến động thấp

Giá vàng trong nước đã có diễn biến tương đối ổn định trong quý III và về cơ bản cũng phù hợp với xu hướng của giá vàng thế giới. Giá vàng SJC giao dịch đã tăng liên tiếp trong 2 tháng đầu quý và giảm trong tháng 9 với mức giảm khoảng 0,79% và 0,95% (mua vào – bán ra). Kết thúc 03 tháng giao dịch, giá bán vàng SJC khảo sát biến động nhẹ, giảm khoảng 0,07% so với cuối quý trước – mức biến động này vẫn thấp hơn so với mức giảm của giá vàng thế giới. Trong 3 tháng qua, giá vàng SJC bán ra đã đạt được mức giá giao dịch cao trên 57 triệu đồng/lượng sau khoảng 03 ngày giao dịch của tháng 7 và duy trì mức giá này khoảng giữa tháng 9, giao dịch giằng co trong khoảng 10 ngày nhưng cũng không bảo vệ được ngưỡng giá này vào cuối tháng. Chênh lệch giá mua vào – bán ra phổ biến trong khoảng 620.000 – 720.000 đồng/lượng. Kết thúc tháng 9, giá vàng SJC giao dịch tại thời điểm khảo sát là 56,24 – 56,86 triệu đồng/lượng (mua vào – bán ra). Chênh lệch giá vàng bán trong nước và thế giới thiết lập lại ngưỡng cao mới, trên 8 triệu đồng/lượng.

Diễn biến giá vàng trong nước



Nguồn: sjc.com.vn

Thị trường chứng khoán Việt Nam ghi nhận diễn biến trái chiều ở 3 chỉ số chính

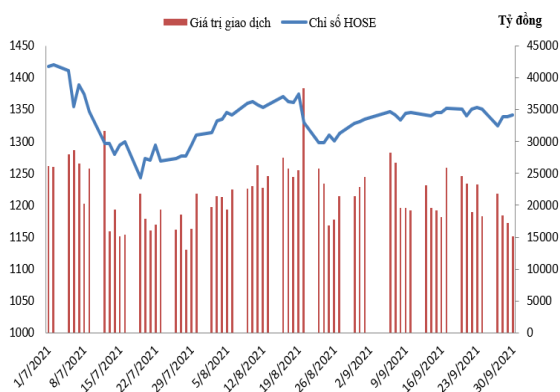
Trong quý III/2021, thị trường chứng khoán Việt Nam diễn biến trái chiều ở 3 chỉ số chính. Chỉ số VN-Index kết thúc quý III giảm 4,72% so với cuối quý trước xuống 1.342,06 điểm, trong khi đó, chỉ số HNX-Index tăng 10,52% lên 357,33 điểm và chỉ số UPCOM-Index tăng 6,99% lên 96,56 điểm.

Các chỉ số đều có diễn biến tương đồng khi giảm điểm trong tháng 7 do áp lực chốt lời từ vùng đỉnh và diễn biến phức tạp của làn sóng Covid-19 lần thứ 4, sau đó hồi phục trong tháng 8 và tháng 9¹⁰. Tuy nhiên, kết quả khác biệt giữa các chỉ số trong

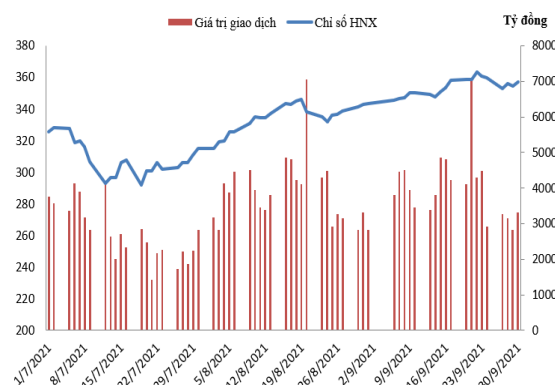
¹⁰ Chỉ số VN-Index giảm 6,99% trong tháng 7, tăng 1,64% trong tháng 8 và tăng 0,8% trong tháng 9. Chỉ số HNX-Index giảm 2,62% trong tháng 7, tăng 8,88% trong tháng 8 và tăng 4,24% trong tháng 9. Chỉ số UpCOM-Index giảm 3,68% trong tháng 7, tăng 7,87% trong tháng 8 và tăng 2,98% trong tháng 9.

quý III đến từ việc chỉ số VN-Index chỉ tăng ở mức khiêm tốn trong tháng 8 (+1,64%) và tháng 9 (+0,8%) trong khi chỉ số HNX-Index và UPCOM-Index đều tăng mạnh (+8,88% và +7,87% trong tháng 8; +4,24% và +2,98% trong tháng 9).

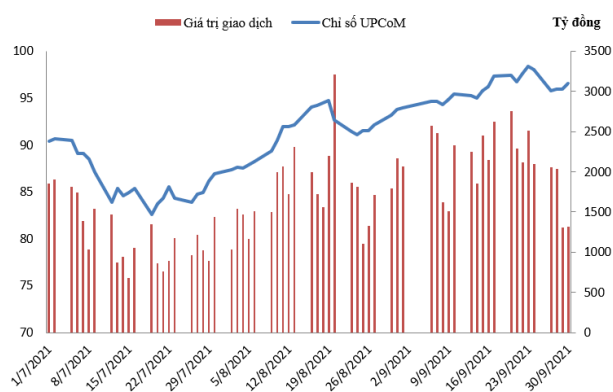
Diễn biến chỉ số HOSE quý III/2021



Diễn biến chỉ số HNX quý III/2021

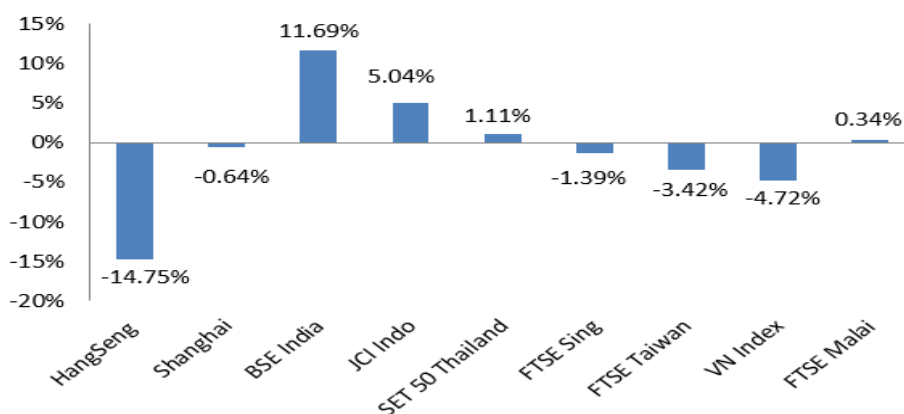


Diễn biến chỉ số UPCOM quý III/2021



Nguồn: UBCK Nhà nước

Mức biến động của một số chỉ số chủ chốt trong khu vực Châu Á quý III/2021

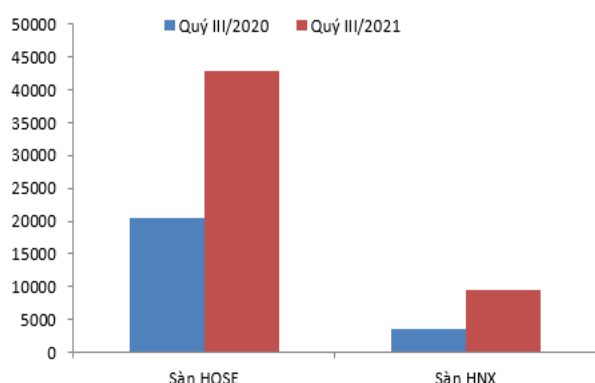


Nguồn: Bloomberg

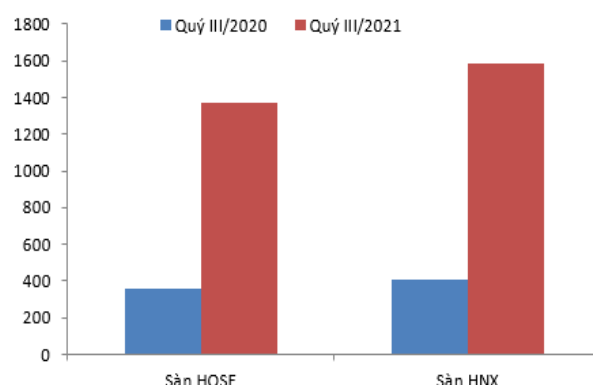
Thanh khoản thị trường trong quý III/2021 tăng trưởng mạnh so cùng kỳ năm 2020 cả về khối lượng và giá trị giao dịch. Tính chung trên cả 2 sàn giao dịch chính thức, khối lượng giao dịch đạt 52,36 tỷ cổ phiếu và giá trị giao dịch đạt 1.582,45 nghìn tỷ đồng, lần lượt tăng 118,46% và 290,76% so với cùng kỳ năm 2020. Trên sàn HOSE, khối lượng giao dịch trong quý III/2020 đạt 42,95 tỷ cổ phiếu và giá trị giao dịch đạt 1.369,46 nghìn tỷ đồng, tăng tương ứng 109,41% và 278,53% so với quý III/2020.

Thanh khoản trên sàn HNX cũng rất sôi động khi khối lượng giao dịch đạt 9,41 tỷ cổ phiếu và giá trị giao dịch đạt 212,99 nghìn tỷ đồng, tăng tương ứng 172,13% và 393,15% so với quý III/2020.

Khối lượng giao dịch Quý III (2020 – 2021)



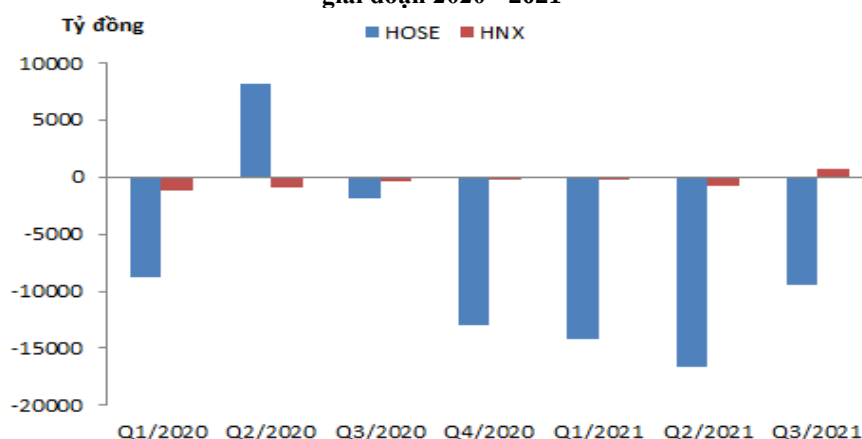
Giá trị giao dịch Quý III (2020 – 2021)



Nguồn: UBCK Nhà nước

Trong quý III/2021, khối ngoại tiếp tục đẩy mạnh bán ròng với tổng giá trị 8.751,87 tỷ đồng trên 2 sàn giao dịch chính thức. Trên sàn HOSE, khối ngoại bán ròng 9.425,44 tỷ đồng, trong đó, mua ròng trong tháng 7 và bán ròng liên tiếp trong 2 tháng tiếp theo. Ngược lại, trên sàn HNX, khối ngoại mua ròng liên tục trong cả 3 tháng của quý III với tổng giá trị mua ròng là 673,87 tỷ đồng. Các cổ phiếu bị khối ngoại bán ròng mạnh nhất trên sàn HOSE gồm VIC, chứng chỉ quỹ ETF FUEVFN, VPB, HPG, MSN và mua ròng mạnh nhất trên sàn HNX gồm THD, PVI, DXS, MBS, BSI.

Giá trị mua bán ròng của khối ngoại trên sàn HOSE và sàn HNX theo quý giai đoạn 2020 - 2021



Nguồn: UBCK Nhà nước

Tính đến hết ngày 30/9/2021, giá trị vốn hóa thị trường trên sàn HOSE đạt 5,13 triệu tỷ đồng, trên sàn HNX đạt hơn 414 nghìn tỷ đồng và trên sàn UPCOM đạt hơn 1,31 nghìn tỷ đồng.

TRIỂN VỌNG KINH TẾ VIỆT NAM QUÝ IV NĂM 2021

Như vậy kinh tế Việt Nam đã không giữ được xu hướng tích cực trong nửa đầu của năm, đợt bùng phát dịch bệnh lần thứ 4 với các diễn biến căng thẳng từ tháng 6 đến nay đã ảnh hưởng mạnh tới các khu vực kinh tế quan trọng trong cả nước. Tăng trưởng kinh tế của quý III đã giảm sâu nhất kể từ khi Việt Nam tính và công bố GDP

quý đến nay. GDP trong 9 tháng đầu năm chỉ tăng 1,42% so với cùng kỳ. Xu hướng giảm cũng đã xuất hiện ở các cấu phần kinh tế quan trọng như tiêu dùng, sản xuất công nghiệp, đặc biệt là công nghiệp chế biến chế tạo, dịch vụ, vốn đầu tư,... Bên cạnh đó, làn sóng đại dịch Covid-19 tiếp tục ảnh hưởng nặng nề đến khu vực doanh nghiệp và thị trường lao động, số lượng doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động tăng khá so với cùng kỳ năm ngoái, tỷ lệ thất nghiệp gia tăng, thu nhập cá nhân giảm sút,... Theo Tổng cục Thống kê, có hơn 50% số doanh nghiệp tham gia khảo sát nhận định là tình hình sản xuất kinh doanh sẽ khó khăn hơn trong quý IV/2021, trong đó, xu hướng lạc quan được quan sát chiếm tỷ lệ cao hơn tại khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài so với khu vực doanh nghiệp trong nước.

Diễn biến kinh tế khó khăn trong quý III đã đặt ra rất nhiều thách thức cho kinh tế Việt Nam từ nay đến cuối năm, trong đó đáng chú ý nhất là rủi ro của đại dịch kéo dài có thể dẫn đến các hoạt động kinh tế bị ngưng trệ quá lâu; gián đoạn trong chuỗi cung ứng về nguyên vật liệu, hàng hóa nông sản, hàng hóa thiết yếu; thiếu hụt lực lượng lao động, bất ổn xã hội gia tăng,... và cuối cùng là các động lực của tăng trưởng như tiêu dùng và đầu tư cũng bị suy yếu, ảnh hưởng nghiêm trọng tới đà phục hồi của kinh tế Việt Nam.

Trên cơ sở đó, dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong năm 2021 đã được nhiều tổ chức trong và ngoài nước đánh giá lại, phần lớn đã điều chỉnh giảm từ 1,5 – 2 điểm phần trăm so với con số dự báo đưa ra vào cuối quý trước. Cụ thể là Tổng cục Thống kê đưa ra hai kịch bản dự báo về GDP: (i) Kịch bản 1, nếu tăng trưởng kinh tế quý IV/2021 đạt 5,4% thì GDP cả năm sẽ đạt 2,5% - và đây được xem là kịch bản khả thi; (ii) Kịch bản 2, GDP cả năm sẽ đạt 3%. Trong khi đó, các tổ chức quốc tế lớn như WB, ADB dự báo tăng trưởng kinh tế của Việt Nam trong năm 2021, giao động từ 3,8 – 4,8%; các ngân hàng quốc tế như Standard Chartered, UOB, HSBC... dự báo trong khoảng từ 2,7% - 4%.

Đồ thị dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam năm 2021 của một số tổ chức quốc tế (%)

